



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1201031781	Doãn Thị Quỳnh	Anh	20/10/2006	QT12A	01		10	20	Anh	
2	000002	1201030703	Hồ Vũ Văn	Anh	31/10/2006	QT12A	01		19	26	Anh	
3	000003	1201030710	Lưu Ngọc	Anh	11/11/2006	QT12A	01		21	27	Anh	
4	000004	1201030715	Nguyễn Đức Duy	Anh	22/05/2006	QT12A	01					HP,ĐK
5	000005	1201030720	Nguyễn Phú	Anh	18/10/2006	QT12A	01					✓
6	000006	1201030728	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2006	QT12A	01		23	25	Anh	
7	000007	1201030730	Phạm Thị Mai	Anh	17/02/2006	QT12A	01		08	19	Anh	
8	000008	1201031538	Quản Văn	Anh	04/05/2006	QT12A	01					ĐK
9	000009	1201030748	Doãn Quang	Bách	21/03/2006	QT12A	01		24	28	Bách	
10	000010	1201030760	Vũ Thị Kim	Chi	24/08/2006	QT12A	01		10	19	Chi	
11	000011	1201030767	Triệu Biên	Cương	27/05/2006	QT12A	01		20	24	Cương	
12	000012	1201030774	Nguyễn Thành	Đạt	08/11/2006	QT12A	01		13	4	Đạt	
13	000013	1201030778	Đỗ Huyền	Diệp	09/04/2006	QT12A	01		15	30	Diệp	
14	000014	1201030785	Nguyễn Tiến	Đức	18/05/2006	QT12A	01		23	17	Đức	
15	000015	1201030794	Lương Chí	Dũng	25/08/2006	QT12A	01					ĐK
16	000016	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	01					ĐK
17	000017	1201030804	Nguyễn Đoàn Phong	Duy	19/04/2006	QT12A	01		19	22	Duy	
18	000018	1201030808	Vũ Thị	Duyên	12/02/2006	QT12A	01		19	26	Duyên	
19	000019	1201031548	Đỗ Ngọc	Hà	08/12/2006	QT12A	01		16	27	Hà	
20	000020	1201030817	Phạm Nguyễn Tuấn	Hải	11/01/2003	QT12A	01		24	25	Hải	
21	000021	1201030822	Vũ Hồng	Hạnh	20/02/2006	QT12A	01		18	18	Hạnh	
22	000022	1201031733	Bùi Đặng Minh	Hiền	08/10/2006	QT12A	01					ĐK
23	000023	1201030840	Lê Thanh	Hoa	19/06/2006	QT12A	01		23	28	Hoa	
24	000024	1201030843	Hà Thu	Hoài	27/09/2006	QT12A	01		20	16	Hoài	
25	000025	1201030848	Đỗ Ánh	Hồng	22/07/2006	QT12A	01		18	14	Hồng	
26	000026	1201030855	Đồng Mạnh	Hùng	12/09/2006	QT12A	01		17	21	Hùng	
27	000027	1201031775	Phạm Thị	Hường	01/02/2006	QT12A	01		05	23	Hường	
28	000028	1201030879	Đỗ Nam	Khánh	13/03/2006	QT12A	01					ĐK
29	000029	1201030887	Trịnh Hoàng Phú	Khánh	18/05/2006	QT12A	01					ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000030	1201030891	Trần Việt	Khoa	25/01/2006	QT12A	01					✓
31	000031	1201030908	Đỗ Quang	Linh	12/10/2006	QT12A	02		20	6	Linh	
32	000032	1201030911	Hoàng Thị Thùy	Linh	12/07/2006	QT12A	02		22	22	Phạm	
33	000033	1201030928	Phạm Khánh	Linh	22/06/2006	QT12A	02					ĐK
34	000034	1201030933	Phan Thùy	Linh	15/08/2006	QT12A	02		12	4		
35	000035	1201031767	Dương Đức	Long	10/09/2006	QT12A	02					✓

Tổng số sinh viên dự thi:.....24

Tổng số tờ giấy thi:.....24

Tổng số biên bản:.....0

Cán bộ coi thi 1

Đào Thị Hồng Lam

Ngày 19 tháng 10 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1201030954	Thắm Phương	Mai	13/05/2006	QT12A	02		20	30	Mai	
2	000037	1201030965	Nguyễn Hoàng Anh	Minh	03/07/2006	QT12A	02					ĐK
3	000038	1201031651	Trần Danh	Minh	08/08/2006	QT12A	02		09	29	Anh	
4	000039	1201030972	Vũ Phạm Đức	Minh	28/12/2006	QT12A	02		23	28	Đ	
5	000040	1201030982	Vũ Hải	Nam	13/11/2006	QT12A	02					ĐK
6	000041	1201031562	Chu Đỗ Khánh	Ngọc	28/02/2006	QT12A	02		22	27	Ngọc	
7	000042	1201031009	Nguyễn Quỳnh	Như	04/06/2006	QT12A	02		18	26	Như	
8	000043	1201031018	Đỗ Thị Mai	Phương	03/01/2006	QT12A	02		10	21	Phương	
9	000044	1201031794	Nguyễn Thị Văn	Phương	11/06/2005	QT12A	02		06	22	Phương	
10	000045	1201031037	Nguyễn Thị Lệ	Quỳnh	03/11/2005	QT12A	02		05	23	Quỳnh	
11	000046	1201031043	Nguyễn Duy	Sang	22/07/2006	QT12A	02		19	25	Sang	
12	000047	1201031056	Trương Công	Thành	13/01/2001	QT12A	02		15	24	Thành	
13	000048	1201031711	Lê Thị	Thảo	12/01/2006	QT12A	02		06	19	Thảo	
14	000049	1201031070	Hồ Thị	Thoa	05/05/2006	QT12A	02		05	18	Thoa	
15	000050	1201031684	Nguyễn Thị	Thúy	25/09/2006	QT12A	02		18	20	Thúy	
16	000051	1201031098	Nguyễn Thị Hà	Trang	15/05/2006	QT12A	02		05	17	Trang	
17	000052	1201031106	Tạ Nguyễn Quỳnh	Trang	27/11/2006	QT12A	02		08	16	Trang	
18	000053	1201031110	Hà Tuấn	Triệu	30/11/2006	QT12A	02		22	14	Triệu	
19	000054	1201031122	Vũ Anh	Tuấn	25/07/2006	QT12A	02		16	15	Tuấn	
20	000055	1201031130	Bùi Phạm Phương	Uyên	14/05/2006	QT12A	02		23	13	Uyên	
21	000056	1201031143	Nguyễn Long	Vũ	12/08/2006	QT12A	02					ĐK
22	000057	1201030701	Đoàn Vy	Anh	25/10/2006	QT12B	03					ĐK
23	000058	1201030706	Lê Đức	Anh	02/03/2006	QT12B	03		19	11	Anh	HP
24	000059	1201030712	Mai Đức	Anh	01/02/2006	QT12B	03		22	10	Đức	
25	000060	1201031814	Nguyễn Hoài	Anh	11/05/2006	QT12B	03		21	08	Anh	
26	000061	1201030723	Nguyễn Quang	Anh	21/06/2006	QT12B	03			07	Anh	HP Bỏ thi
27	000062	1201030733	Quách Thị Phương	Anh	07/10/2006	QT12B	03		18	6	Anh	
28	000063	1201030749	Phạm Băng	Băng	13/06/2006	QT12B	03		22	1	Băng	
29	000064	1201030770	Trịnh Đình	Cường	08/12/2005	QT12B	03		20	12	Cường	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000065	1201030782	Nguyễn Anh	Đức	11/03/2005	QT12B	03		20	4	Duy	
31	000066	1201030790	Hoàng Ngọc	Dung	15/05/2006	QT12B	03		15	3	Dung	
32	000067	1201030800	Nguyễn Khánh	Dương	21/05/2006	QT12B	03		20	2	Dương	
33	000068	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	03		21	9	Duy	
34	000069	1201030809	Trần Hương	Giang	30/11/2006	QT12B	03		16	7	Hương	
35	000070	1201031662	Nguyễn Văn	Hà	07/09/2006	QT12B	03					HP Đỗ Chai

Tổng số sinh viên dự thi:... 29.

Tổng số tờ giấy thi:... 29...

Tổng số biên bản:..... 0

Cán bộ coi thi 1

Phạm Thị

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Tuy
Trần Thị Ray



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000071	1201030818	Đinh Thị Thanh	Hằng	04/10/2006	QT12B	03		23	8	Hằng	
2	000072	1201030828	Nguyễn Thị	Hiền	16/12/2006	QT12B	03		10	10	Hiền	
3	000073	1201030832	Hà Văn	Hiếu	24/04/2006	QT12B	03		23	9	Hiếu	
4	000074	1201030841	Nguyễn Thị	Hoa	11/07/2006	QT12B	03		3,0	16	Hoa	
5	000075	1201030844	Nguyễn Thị	Hoài	12/07/2006	QT12B	03		22	11	Hoài	
6	000076	1201030851	Cao Đình	Huân	24/08/2006	QT12B	03		15	7	Huân	
7	000077	1201030852	Nguyễn Thị	Huệ	11/07/2006	QT12B	03		Một	15	Huệ	
8	000078	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	03		18	8	Hùng	
9	000079	1201031650	Nguyễn Trung	Hung	18/10/2006	QT12B	03		17	15	Hung	
10	000080	1201030868	Nguyễn Quang	Huy	09/07/2006	QT12B	03		15	22	Huy	
11	000081	1201030882	Nguyễn Duy	Khánh	03/06/2006	QT12B	03		23	6	Khánh	
12	000082	1201030889	Vũ Quang Nam	Khánh	24/10/2006	QT12B	03		10	23	Khánh	
13	000083	1201031636	Nguyễn Trung	Kiên	29/09/2003	QT12B	04		20	17	Kiên	
14	000084	1201030909	Đỗ Thị Diệu	Linh	28/08/2006	QT12B	04		22	19	Linh	
15	000085	1201030919	Nguyễn Lê Phương	Linh	17/12/2006	QT12B	04		20	6	Linh	
16	000086	1201030931	Phạm Thùy	Linh	15/02/2006	QT12B	04		15	20	Linh	
17	000087	1201030934	Tô Thị Yến	Linh	25/12/2006	QT12B	04		22	21	Linh	
18	000088	1201030944	Nhữ Ngọc	Long	26/03/2006	QT12B	04					ĐK
19	000089	1201030947	Nguyễn Hữu Thành	Luân	28/04/2006	QT12B	04		5,0	30	Luân	
20	000090	1201030956	Đào Đức	Mạnh	28/06/2006	QT12B	04		10	27	Mạnh	
21	000091	1201030970	Trần Quang	Minh	08/02/2006	QT12B	04		20	08	Minh	
22	000092	1201031560	Lê Đặng Trà	My	20/10/2006	QT12B	04		23	12	My	
23	000093	1201030983	Trịnh Kế	Năng	09/01/2005	QT12B	04		22	24	Năng	
24	000094	1201030995	Doãn Thị	Ngọc	10/09/2006	QT12B	04		18	26	Ngọc	
25	000095	1201031003	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	01/10/2006	QT12B	04		20	25	Nguyệt	
26	000096	1201031012	Lưu Hồng	Nhung	27/12/2006	QT12B	04		17	28	Nhung	
27	000097	1201031038	Nguyễn Thị Thu	Quyên	21/03/2006	QT12B	04		14	18	Quyên	
28	000098	1201031051	Dương Duy	Thái	01/09/2006	QT12B	04		15	13	Thái	
29	000099	1201031057	Đào Thị Phương	Thảo	28/10/2006	QT12B	04		5,0	24	Thảo	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000100	1201031061	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/2006	QT12B	04		16	5	Thảo	
31	000101	1201031071	Đặng Kim	Thu	10/10/2006	QT12B	04		5,0	101	Thu	
32	000102	1201031574	Đào Thanh	Trà	23/11/2006	QT12B	04		10	17	Trà	
33	000103	1201031099	Nguyễn Thị Hồng	Trang	26/05/2006	QT12B	04		15	29	Trang	
34	000104	1201031107	Trịnh Thùy	Trang	21/09/2006	QT12B	04		5,0	20	Trang	
35	000105	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	04		15	11	Triệu	

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 34

Tổng số biên bản: 0

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hồ Thị Tâm

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp) *2*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000106	1201031127	Trần Anh	Tuyên	05/05/2006	QT12B	04		12	20	Tuyên	
2	000107	1201031132	Hà Thị Mỹ	Uyên	19/10/2006	QT12B	04		19	30	Uyên	
3	000108	1201031150	Lê Ngọc	Yến	31/01/2006	QT12B	04		13	29	Yến	
4	000109	1201030702	Dương Thị Quỳnh	Anh	14/09/2006	QT12C	05					Vắng
5	000110	1201030707	Lê Hồ Tuyết	Anh	20/10/2006	QT12C	05		19	24	Anh	
6	000111	1201030713	Nguyễn Bùi Phương	Anh	21/04/2006	QT12C	05		20	23	Anh	
7	000112	1201030719	Nguyễn Như Quỳnh	Anh	13/03/2006	QT12C	05		8,0	28	Anh	
8	000113	1201030725	Nguyễn Thị Phương	Anh	05/02/2006	QT12C	05					HP,ĐK
9	000114	1201030734	Quản Vân	Anh	10/07/2006	QT12C	05		15	27	Anh	
10	000115	1201030746	Vũ Ngọc	Ánh	29/01/2006	QT12C	05		17	26	Anh	
11	000116	1201031769	Nguyễn Đức	Cảnh	13/03/2006	QT12C	05					HP
12	000117	1201030765	Đặng Biên	Cương	14/04/2006	QT12C	05		22	25	Cương	
13	000118	1201030771	Bùi Hồng	Đặng	17/10/2006	QT12C	05		20	22	Đặng	
14	000119	1201030777	Vũ Tiến	Đạt	25/12/2005	QT12C	05		12	21	Đạt	
15	000120	1201030783	Nguyễn Hữu Phú	Đức	13/07/2006	QT12C	05		20	19	Đức	
16	000121	1201030792	Phạm Thị Thùy	Dung	30/10/2006	QT12C	05		8,0	12	Dung	
17	000122	1201030797	Đinh Thùy	Dương	22/03/2006	QT12C	05					Vắng
18	000123	1201030803	Phạm Văn Hoàng	Dương	14/02/2006	QT12C	05		19	17	Dương	
19	000124	1201030806	Nguyễn Hoàng	Duy	06/01/2006	QT12C	05		13	16	Duy	
20	000125	1201030810	Chu Thị	Hà	13/05/2006	QT12C	05		19	157	Hà	
21	000126	1201030816	Phạm Nam	Hải	18/09/2006	QT12C	05		7,0	14	Hải	
22	000127	1201030819	Mai Thị	Hằng	05/11/2005	QT12C	05		6,0	13	Hằng	
23	000128	1201030834	Nguyễn Trung	Hiếu	25/07/1999	QT12C	05		23	11	Hiếu	
24	000129	1201031553	Bé Thị Thu	Hoài	22/04/2006	QT12C	05		15	9	Hoài	
25	000130	1201031764	Nguyễn Huy	Hoàng	22/07/2006	QT12C	05					HP
26	000131	1201030857	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/11/2006	QT12C	05		24	10	Hùng	
27	000132	1201030860	Đỗ Duy	Hung	29/09/2006	QT12C	05					HP
28	000133	1201031660	Nguyễn Văn	Hung	05/12/2006	QT12C	05					Vắng
29	000134	1201030873	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	25/04/2006	QT12C	05		20	9	Huyền	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000135	1201030885	Trần Văn	Khánh	02/09/2006	QT12C	05		20	08	Khánh	
31	000136	1201030890	Lý Duy	Khoa	15/09/2006	QT12C	05		22	12	Khoa	
32	000137	1201030900	Phạm Chi	Lan	12/04/2006	QT12C	06					HP, ĐK
33	000138	1201030904	Đào Khánh	Linh	20/03/2006	QT12C	06		20	07	E	
34	000139	1201030910	Đoàn Thị Khánh	Linh	19/01/2006	QT12C	06		18	06	Linh	
35	000140	1201030926	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	21/04/2006	QT12C	06		80	05	Linh	

Tổng số sinh viên dự thi: 27

Tổng số tờ giấy thi: 27

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Văn
k. T. N. Hã

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Văn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000141	1201030932	Phan Thị Dương	Linh	16/09/2006	QT12C	06		5,0	4	Linh	
2	000142	1201030939	Vũ Khánh	Linh	25/01/2006	QT12C	06		22	9	Khánh	
3	000143	1201030946	Vũ Xuân Hoàng	Long	15/02/2006	QT12C	06		18	13	Long	
4	000144	1201030950	Dương Ánh	Ly	07/08/2006	QT12C	06		17	3	Ly	
5	000145	1201030959	Nguyễn Đức	Mạnh	17/02/2006	QT12C	06		5,0	7	Mạnh	
6	000146	1201030971	Trịnh Bảo	Minh	15/07/2006	QT12C	06		5,0	5	Minh	
7	000147	1201030974	Nguyễn Thị Trà	My	10/03/2006	QT12C	06		14	8	My	
8	000148	1201030994	Bùi Minh	Ngọc	06/09/2006	QT12C	06		22	1	Ngọc	
9	000149	1201030997	Lê Hà Tuấn	Ngọc	21/08/2006	QT12C	06		12	6	Ngọc	
10	000150	1201031007	Phạm Thị Yên	Nhi	03/09/2006	QT12C	06		22	2	Nhi	
11	000151	1201031035	Vũ Đức	Quân	05/03/2005	QT12C	06		15	10	Quân	
12	000152	1201031041	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	09/09/2006	QT12C	06		20	11	Quỳnh	
13	000153	1201031052	Nguyễn Đình	Thái	27/11/2006	QT12C	06		5,0	12	Thái	
14	000154	1201031058	Đỗ Bích	Thảo	15/11/2006	QT12C	06		18	14	Thảo	
15	000155	1201031068	Nguyễn Đức	Thọ	17/11/2006	QT12C	06		15	15	Thọ	
16	000156	1201031089	Bùi Huyền	Trang	13/09/2006	QT12C	06		17	20	Trang	
17	000157	1201031096	Nguyễn Quỳnh	Trang	01/01/2006	QT12C	06		8,0	18	Trang	
18	000158	1201031101	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/10/2006	QT12C	06		13	19	Trang	
19	000159	1201031109	Vũ Thị Huyền	Trang	27/11/2006	QT12C	06		18	17	Trang	
20	000160	1201031121	Phạm Đức Thái	Tuấn	28/09/2006	QT12C	06		17	26	Tuấn	
21	000161	1201031129	Nguyễn Văn	Ước	28/03/2006	QT12C	06		17	26	Ước	
22	000162	1201031579	Hoàng Danh	Việt	16/11/2000	QT12C	06		24	16	Việt	HR
23	000163	1201030695	Đỗ Thành	An	12/12/2006	QM12A	07		7,0	23	An	
24	000164	1201030705	Hoàng Thị Mai	Anh	16/11/2006	QM12A	07		8,0	25	Mai Anh	
25	000165	1201030716	Nguyễn Hà Hoàng	Anh	09/04/2006	QM12A	07				Anh	✓
26	000166	1201031779	Nguyễn Thị Vân	Anh	12/08/2006	QM12A	07		22	22	Anh	
27	000167	1201030729	Phạm Phương	Anh	09/01/2006	QM12A	07		18	24	Anh	✗
28	000168	1201030738	Trần Việt	Anh	20/07/2006	QM12A	07				Anh	✓
29	000169	1201030740	Vũ Đặng Châu	Anh	30/04/2005	QM12A	07		20	27	Anh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000170	1201030753	Lý Mạnh	Cao	22/10/2006	QM12A	07		15	28	Giao	
31	000171	1201030756	Nguyễn Minh	Châu	07/02/2006	QM12A	07					HP,ĐK
32	000172	1201030766	Đoàn Đại	Cương	08/09/2006	QM12A	07					✓
33	000173	1201030781	Ngô Minh	Đức	30/07/2006	QM12A	07		18	29	P.	
34	000174	1201030787	Phạm Văn	Đức	26/09/2006	QM12A	07		7,0	30	Đức	
35	000175	1201030796	Đặng Thùy	Dương	02/10/2006	QM12A	07		6,0	20	Đặng	

Tổng số sinh viên dự thi: $30 + 1 = 31$

Tổng số tờ giấy thi: $30 + 1 = 31$

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1


Quản Thị Hoàng Anh

Ngày 19 tháng 1 năm 25 

Cán bộ coi thi 2


Thơng Thị Hoàng Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000176	1201030807	Trương Thị Mỹ	Duyên	10/09/2006	QM12A	07		18	60	Duyên	
2	000177	1201031643	Nguyễn Trường	Giang	24/03/2004	QM12A	07					Vàng
3	000178	1201030813	Phí Thu	Hà	23/10/2006	QM12A	07		7,0	58	Hà	
4	000179	1201030825	Nguyễn Hữu	Hào	23/11/2006	QM12A	07		16	59	Hào	
5	000180	1201030835	Phạm Trần	Hiếu	25/12/2006	QM12A	07		15	53	Hiếu	
6	000181	1201030845	Phạm Quốc	Hoan	05/06/2006	QM12A	07		23	52	Quốc	
7	000182	1201030859	Đinh Văn	Hưng	14/04/2006	QM12A	07		5,0	54	Hưng	
8	000183	1201030865	Vũ Thị	Hương	17/09/2006	QM12A	07		23	57	Hương	
9	000184	1201030883	Phạm Nam	Khánh	25/08/2006	QM12A	07					HP,ĐK
10	000185	1201030901	Cao Thị Hồng	Liên	28/07/2006	QM12A	07		8,0	56	Liên	
11	000186	1201030906	Đinh Phương	Linh	31/08/2006	QM12A	07		19	55	Linh	
12	000187	1201030915	Nguyễn Diệu	Linh	18/08/2006	QM12A	07		8,0	51	Linh	
13	000188	1201030922	Nguyễn Thị	Linh	19/08/2006	QM12A	07		21	50	Linh	
14	000189	1201030930	Phạm Thị Khánh	Linh	03/12/2006	QM12A	07		15	49	Linh	
15	000190	1201031742	Chu Huy	Long	02/06/2006	QM12A	07		không	59	Long	BB 10/6
16	000191	1201031798	Phạm Hoàng	Long	24/07/2006	QM12A	08		23	60	Long	
17	000192	1201030949	Đào Thị Cẩm	Ly	02/10/2006	QM12A	08		16	46	Ly	
18	000193	1201030953	Nguyễn Hoàng Tuyết	Mai	05/08/2006	QM12A	08		20	47	Mai	
19	000194	1201031649	Đinh Quang	Minh	02/10/1999	QM12A	08		23	41	Minh	
20	000195	1201030968	Phạm Công	Minh	23/07/2006	QM12A	08		10	45	Minh	
21	000196	1201030975	Nguyễn Thị Trà	My	08/10/2006	QM12A	08		10	60	Trà	
22	000197	1201030989	Phạm Ngọc	Ngân	24/05/2006	QM12A	08		9,0	39	Ngân	
23	000198	1201031661	Đặng Khánh	Ngọc	24/02/2006	QM12A	08		13	42	Ngọc	
24	000199	1201031001	Đinh Thị Minh	Nguyệt	22/03/2006	QM12A	08		21	49	Nguyệt	
25	000200	1201031015	Trần Kim	Oanh	19/09/2006	QM12A	08		21	43	Oanh	
26	000201	1201031019	Dương Thị Hà	Phương	12/09/2006	QM12A	08		20	57	Phương	
27	000202	1201031026	Phạm Hà	Phương	11/07/2006	QM12A	08		16	52	Phạm	
28	000203	1201031039	Vũ Thị Lệ	Quyên	02/08/2006	QM12A	08		8,0	40	Quyên	
29	000204	1201031605	Trần Hoài	Son	15/09/2006	QM12A	08		20	48	Son	
30	000205	1201031053	Nguyễn Văn	Thái	05/06/2006	QM12A	08		13	49	Thái	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000206	1201031059	Đoàn Thị Phương	Thảo	28/09/2006	QM12A	08		8,0	59	Thảo	
32	000207	1201031064	Nguyễn Thị Phương	Thảo	03/11/2006	QM12A	08		19	48	Thảo	
33	000208	1201031075	Trần Thị	Thu	12/08/2006	QM12A	08		19	60	Thu	
34	000209	1201031078	Đỗ Thị	Thủy	29/10/2006	QM12A	08		11	57	Thủy	

Tổng số sinh viên dự thi: ...32...

Tổng số tờ giấy thi: ...32...

Tổng số biên bản: ...01.....

Ngày...19...tháng...03...năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



Đào T. Hoàng Lam



Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000210	1201031080	Hoàng Thị Thanh	Thúy	02/01/2006	QM12A	08		24	60	Thúy	
2	000211	1201031083	Đặng Thị Thanh	Thùy	03/09/2006	QM12A	08		7.0	56	Thùy	
3	000212	1201031087	Lê Thị	Trà	15/05/2006	QM12A	08		10	69	Trà	
4	000213	1201031093	Ngô Thị Kiều	Trang	21/03/2006	QM12A	08		12	58	Trang	
5	000214	1201031112	Đặng Thị	Trinh	29/01/2006	QM12A	08		12	57	Trinh	
6	000215	1201031576	Nguyễn Như Cẩm	Tú	28/09/2006	QM12A	08		23	51	Tú	
7	000216	1201031125	Nguyễn Xuân	Tùng	17/11/2006	QM12A	08		15	52	Tùng	
8	000217	1201031134	Nguyễn Phương	Uyên	12/10/2005	QM12A	08					ĐK
9	000218	1201031137	Nguyễn Văn	Vĩ	12/07/2006	QM12A	08		6.0	55	Vĩ	
10	000219	1201031816	Lê Quang	Vinh	25/01/2004	QM12A	08		20	54	Vinh	
11	000220	1201030709	Lê Thị Ngọc	Anh	20/09/2006	QM12B	09		5.0	53	Anh	
12	000221	1201030724	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/04/2006	QM12B	09		19	49	Anh	
13	000222	1201031536	Nguyễn Trâm	Anh	09/02/2006	QM12B	09		Không	50	Anh	BB
14	000223	1201031668	Trần Đức	Anh	27/09/2006	QM12B	09		20	47	Đức	
15	000224	1201030739	Trương Thị Mai	Anh	08/12/2006	QM12B	09		23	48	Mai	
16	000225	1201030741	Vũ Lan	Anh	17/02/2006	QM12B	09		10	46	Anh	
17	000226	1201030754	Phan Thùy	Châm	08/05/2006	QM12B	09		15	45	Châm	
18	000227	1201030761	Đinh Thị	Chiều	09/09/2006	QM12B	09		20	44	Chiều	
19	000228	1201030795	Chu Thùy	Dương	09/08/2005	QM12B	09		23	43	Thùy	
20	000229	1201030799	Lê Đăng	Dương	04/08/2006	QM12B	09		Không	42	Dương	BB
21	000230	1201031547	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/06/2006	QM12B	09		22	41	Giang	
22	000231	1201030811	Hoàng Thị Ngọc	Hà	21/11/2006	QM12B	09		20	39	Hà	
23	000232	1201030824	Lê Thanh	Hào	17/12/2006	QM12B	09		10	40	Hào	
24	000233	1201030826	Nguyễn Thanh	Hiên	07/08/2006	QM12B	09		23	38	Thanh	
25	000234	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	09		9.0	36	Hiếu	
26	000235	1201031674	Chu Mạnh	Hùng	15/01/2006	QM12B	09		6.0	37	Hùng	
27	000236	1201031554	Lưu Thị	Huyền	20/06/2005	QM12B	09					HP
28	000237	1201030895	Nguyễn Văn	Kiên	27/07/2006	QM12B	09		12	34	Kiên	
29	000238	1201030896	Trần Thanh	Lâm	08/02/2005	QM12B	09					HP, ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000239	1201030905	Đinh Nguyễn Hải Linh	19/03/2006	QM12B	09					HP, ĐK
31	000240	1201030914	Ngô Thị Linh	04/01/2006	QM12B	09		6.0	35	linh	
32	000241	1201030916	Nguyễn Hà Khánh Linh	05/09/2006	QM12B	09		22	32	linh	
33	000242	1201030924	Nguyễn Thị Khánh Linh	13/11/2006	QM12B	09		6.0	33	linh	
34	000243	1201030927	Nguyễn Thùy Linh	08/12/2006	QM12B	09					HP

Tổng số sinh viên dự thi: 29...

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 02

Cán bộ coi thi 1

Hoàng Văn Thắng

Ngày 19. tháng 6. năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Trần TT Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000244	1201030929	Phạm Thị	Linh	18/10/2006	QM12B	09		4,0	60	Linh	
2	000245	1201031647	Phan Ngọc	Linh	19/04/2006	QM12B	09		18	58	Phan	
3	000246	1201031679	Lâm Khánh Bảo	Long	12/04/2006	QM12B	10		23	53	Long	
4	000247	1201030945	Vũ Gia	Long	18/01/2006	QM12B	10					HP, ĐK
5	000248	1201031642	Lê Tuyết	Mai	10/11/2006	QM12B	10		15	56	Mai	
6	000249	1201030964	Nguyễn Hoàng	Minh	13/03/2006	QM12B	10		10	59	Minh	
7	000250	1201031747	Bùi Thị Quỳnh	Nga	03/01/2006	QM12B	10		17	59	Son	
8	000251	1201030993	Phạm Thị	Ngoan	19/10/2006	QM12B	10		5,0	55	Ngoan	
9	000252	1201030999	Lương Minh	Ngọc	22/07/2006	QM12B	10		7,0	54	Ngoc	
10	000253	1201031766	Nguyễn Thị	Oanh	11/06/2006	QM12B	10		5,0	47	Oanh	
11	000254	1201031017	Trần Hồng	Phúc	31/10/2006	QM12B	10		20	57	Phuc	
12	000255	1201031020	Lê Thị Thu	Phuong	29/10/2006	QM12B	10		10	51	Thu	
13	000256	1201031027	Đinh Thị	Phượng	02/09/2006	QM12B	10					HP, ĐK
14	000257	1201031036	Nguyễn Đức	Quang	07/08/2006	QM12B	10		19	52	Quang	
15	000258	1201030667	Đỗ Ngọc	Sáng	22/11/2006	QM12B	10		Không	60	Sang	BB
16	000259	1201031046	Phạm Thái	Son	21/07/2006	QM12B	10		18	53	Son	
17	000260	1201031569	Lê Thanh	Tâm	06/06/2006	QM12B	10		5,0	51	Tam	
18	000261	1201031055	Phạm Tiến	Thành	08/09/2006	QM12B	10					V
19	000262	1201031077	Ngô Thị Minh	Thuy	11/09/2006	QM12B	10		15	50	Thuy	
20	000263	1201031079	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	04/07/2006	QM12B	10		15	49	Thuy	
21	000264	1201031082	Nguyễn Thu	Thúy	16/12/2006	QM12B	10		13	48	Thuy	
22	000265	1201031085	Nguyễn Văn	Tiến	14/06/2006	QM12B	10		18	60	Tien	
23	000266	1201031091	Hà Kiều	Trang	06/06/2003	QM12B	10		10	45	Trang	
24	000267	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	10					HP
25	000268	1201031575	Nguyễn Việt	Trinh	19/09/2006	QM12B	10		21	46	Trinh	

Tổng số sinh viên dự thi: 21...

Tổng số tờ giấy thi: 21

Tổng số biên bản: 01

Cán bộ coi thi 1

Đặng Thị Hiền

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Hồ Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000269	1201031116	Nguyễn Thanh	Tú	25/09/2006	QM12B	10		7,0	59	Tú	
2	000270	1201031753	Bùi Ngọc	Tuyền	06/08/2006	QM12B	10		13	56	Tuyền	
3	000271	1201011772	Đào Phương	Anh	02/03/2006	TC12A	11		17	60	Anh	
4	000272	1201011153	Đỗ Quỳnh	Anh	27/09/2006	TC12A	11		21	58	Anh	
5	000273	1201011154	Đới Thị Phương	Anh	05/03/2005	TC12A	11		7,0	45	Phương	
6	000274	1201011161	Lê Thế	Anh	27/05/2005	TC12A	11		21	46	Anh	
7	000275	1201011166	Ngô Thu	Anh	18/07/2006	TC12A	11		24	57	Anh	
8	000276	1201011173	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2006	TC12A	11		18	53	Anh	
9	000277	1201011180	Phan Lan	Anh	10/08/2006	TC12A	11					Vắng
10	000278	1201011184	Trần Thị Trâm	Anh	01/05/2006	TC12A	11		8,0	55	Anh	
11	000279	1201011677	Lê Hồng	Ánh	30/11/2006	TC12A	11		9,0	54	Anh	
12	000280	1201011195	Đỗ Khánh	Chi	24/08/2006	TC12A	11		20	52	Chi	
13	000281	1201011203	Đỗ Tiến	Đạt	28/12/2006	TC12A	11		5,0	51	Dung	42 Set
14	000282	1201011209	La Thị Thu	Dung	23/07/2006	TC12A	11		10	44	Dương	51 Dung
15	000283	1201011218	Trần Thuý	Dương	09/05/2006	TC12A	11		19	44	Dương	
16	000284	1201011219	Nguyễn Khánh	Duy	06/10/2006	TC12A	11		14	38	Duy	
17	000285	1201011222	Phạm Thị Mỹ	Duyên	18/03/2006	TC12A	11		22	50	Duyên	
18	000286	1201010812	Nguyễn Thái	Hà	30/09/2006	TC12A	11		20	39	thà	
19	000287	1201011231	Vũ Thị Thu	Hà	27/07/2006	TC12A	11		17	48	Hà	
20	000288	1201011241	Phạm Thu	Hằng	26/09/2006	TC12A	11		5,0	34	Hằng	
21	000289	1201011255	Lê Thị	Hiếu	21/07/2006	TC12A	11		4,0	32	Hiếu	
22	000290	1201011257	Nguyễn Minh	Hiếu	16/04/2006	TC12A	11					HP
23	000291	1201011264	Đàm Thu	Hoài	17/09/2006	TC12A	11		20	41	Hoài	
24	000292	1201011588	Hoàng Thị	Huệ	21/06/2006	TC12A	11		17	40	Huệ	
25	000293	1201011789	Phạm Hải	Huy	20/01/2006	TC12A	11					Vắng
26	000294	1201011291	Bùi Thị	Lan	26/11/2005	TC12A	11		17	43	Lan	
27	000295	1201011595	Nghiêm Thùy	Linh	11/11/2006	TC12A	11		16	35	lul	
28	000296	1201011303	Nguyễn Hà	Linh	25/09/2006	TC12A	11					Vắng
29	000297	1201011305	Nguyễn Khánh	Linh	20/06/2006	TC12A	11		16	49	lin	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000298	1201011310	Nguyễn Thùy	Linh	03/02/2006	TC12A	11		22	47	linh	
31	000299	1001020023	Đỗ Văn	Anh	23/12/2003	KD10H	12					ĐK
32	000300	1201011316	Trịnh Lê Khánh	Linh	16/01/2006	TC12A	12		17	33	linh	
33	000301	1201011328	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/09/2006	TC12A	12		22	36	Mai	
34	000302	1201011329	Phạm Ngọc	Mai	27/05/2006	TC12A	12		18	37	Mai	

Tổng số sinh viên dự thi:...29...

Tổng số tờ giấy thi:.....29

Tổng số biên bản:.....02....

Ngày 19 tháng 06 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



Lê Thị Mùi Hoa



Nguyễn Thị Vân



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000303	1201011332	Bùi Tiến	Minh	19/12/2006	TC12A	12		21	54	Mil	
2	000304	1201011334	Đinh Nhật	Minh	25/11/2006	TC12A	12		19	42	Mil	
3	000305	1201011342	Nguyễn Trà	My	08/05/2006	TC12A	12					HP,ĐK
4	000306	1201011349	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2006	TC12A	12		19	47	Ngân	
5	000307	1201011354	Lưu Minh	Ngọc	17/10/2006	TC12A	12		20	55	Ngọc	
6	000308	1201011358	Dur Thị Thảo	Nguyễn	17/01/2006	TC12A	12		19	56	Nguyễn	
7	000309	1201011362	Bùi Phan Hà	Nhi	17/03/2006	TC12A	12					✓
8	000310	1201011365	Nguyễn Thị Yến	Nhi	18/02/2006	TC12A	12					✓
9	000311	1201011367	Đỗ Hồng	Nhung	16/02/2006	TC12A	12		19	59	Nhung	
10	000312	1201011380	Hoàng Lan	Phương	13/08/2006	TC12A	12		18	43	Ph	
11	000313	1201011382	Nguyễn Nam	Phương	01/10/2006	TC12A	12		22	46	Phuong	
12	000314	1201011391	Nguyễn Mạnh	Quyền	11/10/2006	TC12A	12		10	48	Q	
13	000315	1201011397	Trần Thái	Son	16/06/2006	TC12A	12					HP 1
14	000316	1201011399	Đỗ Thanh	Tâm	16/09/2006	TC12A	12		23	54	Tâm	
15	000317	1201011401	Nguyễn Minh	Tâm	07/05/2006	TC12A	12		20	58	Tâm	
16	000318	1201011406	Hà Phương	Thảo	11/12/2004	TC12A	12		22	57	Thảo	
17	000319	1201011602	Phạm Phương	Thảo	29/09/2006	TC12A	12		24	40	Thảo	
18	000320	1201011413	Mai Tiến	Thọ	25/03/2006	TC12A	12		13	51	Th	
19	000321	1201011420	Nguyễn Thị	Thư	16/06/2006	TC12A	12		05	53	Thư	
20	000322	1201011423	Lê Thị	Thùy	09/09/2006	TC12A	12		03	45	Thùy	
21	000323	1201011630	Lưu Quỳnh	Trâm	16/07/2006	TC12A	12		20	49	Tram	
22	000324	1201011437	Đỗ Hà	Trình	04/11/2006	TC12A	12		20	44	Trinh	
23	000325	1201011440	Hoàng Ngọc	Tú	03/01/2006	TC12A	12		15	52	Tu	
24	000326	1201011449	Nguyễn Xuân	Tùng	27/12/2006	TC12A	12		10	50	Tung	
25	000327	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	13		18	34	Ánh	HP
26	000328	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	13					ĐK
27	000329	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	13		20	39	Ph	
28	000330	1201011160	Lê Mai	Anh	24/10/2006	TC12B	13		18	31	Anh	
29	000331	1201011171	Nguyễn Phương	Anh	15/09/2006	TC12B	13		20	33	P.Anh	

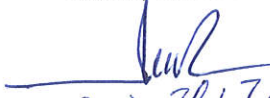
STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000332	1201011581	Nguyễn Thị Lan Anh	01/07/2006	TC12B	13		05	31	Anh	
31	000333	1201011179	Phạm Thị Vân Anh	09/03/2006	TC12B	13		15	37	Anh	
32	000334	1201011183	Trần Phương Anh	06/07/2006	TC12B	13		20	38	Anh	
33	000335	1201011187	Vũ Lan Anh	26/03/2005	TC12B	13		20	36	Anh	
34	000336	1201011192	Phí Thái Bảo	14/03/2006	TC12B	13		24	35	Bảo	

Tổng số sinh viên dự thi:..... $28 + 1 = 29$

Tổng số tờ giấy thi:..... $28 + 1 = 29$

Tổng số biên bản:..... 0.....

Cán bộ coi thi 1


Quản Thị Hoàng Anh

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2


Hoàng Thị Công



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000337	1201011584	Trần Tuấn	Đạt	30/09/2006	TC12B	13		15	90	Đạt	
2	000338	1201011212	Lưu Mạnh	Dũng	20/03/2006	TC12B	13					ĐK
3	000339	1201011673	Vũ Trần Quang	Dương	12/08/2006	TC12B	13					HP,ĐK
4	000340	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	13		05	86	Duy	
5	000341	1201011227	Doãn Thị	Hà	20/05/2006	TC12B	13		10	74	Hà	
6	000342	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	13		18	88	Hà	
7	000343	1201011233	Đỗ Ngọc	Hải	20/08/2005	TC12B	13		05	89	Hải	
8	000344	1201011242	Ngô Thị Thu	Hạnh	14/10/2006	TC12B	13		17	83	Hạnh	
9	000345	1201011245	Nguyễn Thu	Hiền	24/07/2006	TC12B	13		11	87	Hiền	
10	000346	1201011256	Nguyễn Đình	Hiếu	29/08/2006	TC12B	13		18	85	Hiếu	
11	000347	1201011259	Nguyễn Phương	Hoa	04/08/2006	TC12B	13		20	81	Hoa	
12	000348	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	13		10	85	Hoàng	
13	000349	1201011275	Phạm Phan Diệu	Hương	14/02/2006	TC12B	13		20	70	Chung	
14	000350	1201011282	Hoàng Thanh	Huyền	23/07/2006	TC12B	13		08	79	Huyền	
15	000351	1201011284	Lê Duy	Khánh	06/08/2006	TC12B	13					HP,ĐK
16	000352	1201011285	Lê Thiệu	Khánh	08/10/2006	TC12B	13					ĐK
17	000353	1201011301	Mai Thùy	Linh	21/11/2006	TC12B	13		10	77	Linh	
18	000354	1201011302	Nguyễn Diệu	Linh	04/03/2006	TC12B	13		16	82	Linh	
19	000355	1201011304	Nguyễn Khánh	Linh	18/07/2006	TC12B	13		16	78	Phi	
20	000356	1201011306	Nguyễn Khánh	Linh	27/05/2006	TC12B	13		20	74	Thu	
21	000357	1201011311	Nguyễn Thùy	Linh	15/03/2006	TC12B	13		08	75	Linh	
22	000358	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	14		10	65	Thắng	
23	000359	1201011782	Trần Khánh	Linh	14/02/2006	TC12B	14		10	85	Linh	
24	000360	1201011321	Dương Hoàng	Long	14/09/2006	TC12B	14		19	69	Long	
25	000361	1201011786	Nguyễn Thị Xuân	Mai	27/04/2006	TC12B	14		23	75	Mai	
26	000362	1201011333	Chu Quang	Minh	02/02/2006	TC12B	14		15	76	Minh	
27	000363	1201011335	Lưu Quang	Minh	08/08/2006	TC12B	14		14	66	Minh	
28	000364	1201011598	Nguyễn Tân Hoàn	Mỹ	28/09/2006	TC12B	14		17	72	Mỹ	
29	000365	1201011352	Bùi Minh	Ngọc	03/08/2006	TC12B	14		20	68	Ngọc	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000366	1201011356	Trần Hồng	Ngọc	01/12/2006	TC12B	14		20	71	Ng2	
31	000367	1201011360	Nguyễn Thảo	Nguyễn	30/01/2006	TC12B	14		15	63	Nguyễn	
32	000368	1201011363	Đoàn Yến	Nhi	10/12/2006	TC12B	14		10	62	Nhi	
33	000369	1201011366	Phạm Lan	Nhi	13/09/2006	TC12B	14		18	64	Nhi	
34	000370	1201011370	Vũ Thị	Nhung	15/06/2006	TC12B	14		10	64	Nhung	

Tổng số sinh viên dự thi: 30.....

Tổng số tờ giấy thi: 30...

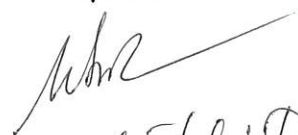
Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 19... tháng 6... năm 25

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Đoàn Thị Hoàng Anh


Hỗ Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000371	1201010660	Nguyễn Nam	Phong	02/06/2002	TC12B	14		20	63	Phong	
2	000372	1201011373	Trần Quang	Phú	02/01/2006	TC12B	14		23	64	Phú	
3	000373	1201011381	Nguyễn Linh	Phương	18/04/2006	TC12B	14		21	65	Phuong	
4	000374	1201011385	Trần Mai Thu	Phương	21/12/2006	TC12B	14		24	66	Phuong	
5	000375	1201011387	Lêng Đức	Quang	12/02/2006	TC12B	14		25	62	Quang	
6	000376	1201011531	Hoàng Cao	Quyết	19/04/2005	TC12B	14		22	69	Quyết	
7	000377	1201011398	Đỗ Ngọc Minh	Tâm	01/11/2006	TC12B	14		20	67	Tâm	
8	000378	1201011400	Nguyễn Đức	Tâm	27/04/2006	TC12B	14		22	68	Tâm	
9	000379	1201011404	Lê Thị	Thanh	08/07/2006	TC12B	14		19	61	Thanh	
10	000380	1201011060	Nguyễn Phương	Thảo	18/06/2006	TC12B	14		20	70	Thảo	
11	000381	1201011411	Trương Thị Thanh	Thảo	31/03/2005	TC12B	14		21	71	Thảo	
12	000382	1201011421	Hà Bách	Thuận	25/12/2006	TC12B	14		5,0	76	Thuận	
13	000383	1201011428	Phùng Hương	Trà	27/07/2006	TC12B	14		23	73	Trà	
14	000384	1201011439	Bùi Duy	Trường	19/01/2006	TC12B	14		15	75	Trường	
15	000385	1201011442	Nguyễn Anh	Tú	23/09/2006	TC12B	14		21	74	Tú	
16	000386	1201011658	Lê Ngọc Thảo	Vy	24/07/2006	TC12B	14		18	72	Vy	
17	000387	1201011155	Giang Đức	Anh	25/09/2006	NH12A	15		20	75	Anh	
18	000388	1201011156	Hoàng Diệp	Anh	09/01/2006	NH12A	15		23	84	Anh	
19	000389	1201011158	Hoàng Mai	Anh	22/05/2006	NH12A	15		18	81	M. Anh	
20	000390	1201011652	Lê Thị Quỳnh	Anh	25/08/2006	NH12A	15		19	77	Quỳnh	
21	000391	1201011640	Nguyễn Duy	Anh	12/11/2006	NH12A	15		20	72	Anh	
22	000392	1201011172	Nguyễn Phương	Anh	01/08/2006	NH12A	15					ĐK
23	000393	1201010731	Phạm Thị Phương	Anh	31/12/2006	NH12A	15		21	83	Phạm	
24	000394	1201011186	Võ Phan	Anh	01/03/2006	NH12A	15		20	90	Phan	
25	000395	1201011188	Hà Thị Nguyệt	Ánh	13/12/2006	NH12A	15		22	88	Anh	
26	000396	1201011199	Đỗ Trung	Chiến	26/06/2005	NH12A	15		20		Chiến	
27	000397	1201011202	Đinh Hoàng	Đạt	16/08/2006	NH12A	15		19	85	Đạt	
28	000398	1201011206	Trần Quốc	Đạt	09/07/2006	NH12A	15		22	82	Đạt	
29	000399	1201011211	Lưu Mạnh	Dũng	10/10/2006	NH12A	15		19	87	Dũng	

7/8

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000400	1201011221	Phạm Thị Hồng	Duyên	22/08/2006	NH12A	15		24	80	Duyên	
31	000401	1201011232	Bùi Hoàng	Hải	07/08/2006	NH12A	15		24	86	Hải	
32	000402	1201011240	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2006	NH12A	15		19	78	Hằng	
33	000403	1201011252	Nguyễn Vi	Hiệp	26/05/2006	NH12A	15		19	89	Hiệp	HP
34	000404	1201011266	Vũ Đức	Hoàng	09/10/2006	NH12A	15					✓

Tổng số sinh viên dự thi:.....³².....

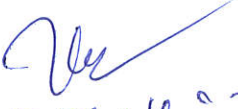
Tổng số tờ giấy thi:.....³².....

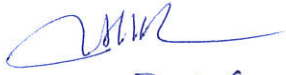
Tổng số biên bản:.....⁰.....

Ngày tháng năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Đỗ Thị Hồng Lam


Hoàng T. H. Gray.



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000405	1201011795	Đinh Việt	Hùng	26/02/2005	NH12A	15		12	80	Hùng	
2	000406	1201011274	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/12/2006	NH12A	15		23	88	Hương	
3	000407	1201011276	Lê Quang	Huy	26/06/2005	NH12A	15		22	87	Huy	
4	000408	1201011279	Nông Hoàng	Huy	20/05/2004	NH12A	15		15	81	Huy	
5	000409	1201011281	Vũ Đình	Huyền	07/08/2006	NH12A	15		19	89	Huyền	
6	000410	1201011809	Phạm Duy	Khánh	22/03/2006	NH12A	15		24	82	Khánh	
7	000411	1201011292	Nguyễn Thị	Lan	25/05/2006	NH12A	16		19	86	Lan	
8	000412	1201011294	Đinh Thị Diệu	Linh	02/01/2006	NH12A	16		18	85	Linh	
9	000413	1201011296	Hoàng Diệu	Linh	09/06/2006	NH12A	16		16	84	Linh	
10	000414	1201011298	Hoàng Thùy	Linh	15/10/2005	NH12A	16		15	83	Linh	
11	000415	1201011313	Tạ Khánh	Linh	20/06/2005	NH12A	16					125
12	000416	1201011318	Vũ Diệu	Linh	30/08/2006	NH12A	16		18	80	Linh	
13	000417	1201011336	Luyện Quang	Minh	01/10/2006	NH12A	16		23	79	Minh	
14	000418	1201011341	Nguyễn Hà	My	04/09/2006	NH12A	16		15	78	My	
15	000419	1201011797	Lê Huy	Nam	10/02/2006	NH12A	16		22	77	Nam	
16	000420	1201011348	Nguyễn Thị	Ngân	28/04/2006	NH12A	16		24	76	Ngân	
17	000421	1201011357	Đồng Minh	Nguyên	06/06/2006	NH12A	16		20	75	Nguyên	
18	000422	1201011620	Vũ Phương	Oanh	05/11/2006	NH12A	16		20	74	Oanh	
19	000423	1201011375	Nguyễn Tuấn	Phúc	27/04/2006	NH12A	16					ĐK
20	000424	1201011378	Đàm Quỳnh	Phương	15/04/2006	NH12A	16		20	73	Phương	
21	000425	1201011383	Nguyễn Thị Thanh	Phương	29/09/2006	NH12A	16		24	72	Phương	
22	000426	1201011393	Phí Như	Quỳnh	09/09/2006	NH12A	16		16	70	Quỳnh	
23	000427	1201011395	Nguyễn Hùng	Son	16/08/2006	NH12A	16		17	71	Son	
24	000428	1201011415	Bùi Duy	Thông	05/02/2006	NH12A	16		21	62	Thông	
25	000429	1201011417	Lương Thị Khánh	Thư	30/03/2006	NH12A	16		19	63	Thư	
26	000430	1201011425	Đặng Thu	Trà	04/11/2006	NH12A	16		20	69	Trà	
27	000431	1201011631	Phan Anh	Tú	22/10/2006	NH12A	16		19	67	Tú	
28	000432	1201011444	Nguyễn Đức	Tuấn	01/05/2006	NH12A	16		7.0	68	Tuấn	
29	000433	1201011632	Nguyễn Chí	Uy	25/07/2006	NH12A	16		22	66	Uy	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000434	1201011465	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/03/2006	NH12A	16		20	61	<i>[Signature]</i>	
31	000435	1201011676	Hồ Thị Quỳnh	Anh	01/09/2005	NH12B	17		20	65	QAnh	
32	000436	1201011157	Hoàng Kỳ	Anh	13/09/2006	NH12B	17					HP,ĐK
33	000437	1201011159	Hoàng Tuấn	Anh	25/01/2006	NH12B	17					HP,ĐK
34	000438	1201011163	Lê Thị Tú	Anh	15/11/2006	NH12B	17					HP

Tổng số sinh viên dự thi: 29....

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 0...

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Trương Thị

Ngày 19 tháng 06 năm 2015

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Lê Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000439	1201011169	Nguyễn Lan Anh	28/08/2006	NH12B	17					Kiểm
2	000440	1201011181	Phùng Thị Phương Anh	26/09/2006	NH12B	17		21	86	Anh	
3	000441	1201011191	Lê Gia Bảo	22/10/2006	NH12B	17					HP, ĐK
4	000442	1201011201	Đoàn Thị Chinh	20/06/2006	NH12B	17		18	61	Chinh	
5	000443	1201011583	Nguyễn Tuấn Đạt	03/04/2006	NH12B	17		20	90	Dat	
6	000444	1201011207	Trần Tuấn Đức	27/09/2006	NH12B	17		10	85	Đức	
7	000445	1201011214	Phạm Trung Dũng	04/09/2006	NH12B	17					Vắng
8	000446	1201011223	Nguyễn Trường Giang	25/09/2006	NH12B	17					HP, ĐK
9	000447	1201011237	Nguyễn Ngọc Hân	28/10/2006	NH12B	17		8,0	89	Hân	
10	000448	1201011248	Vũ Thị Minh Hiền	14/03/2006	NH12B	17		5,0	87	Hiền	
11	000449	1201011253	Hoàng Minh Hiếu	24/09/2006	NH12B	17		15	88	Hiếu	
12	000450	1201011258	Nông Trung Hiếu	26/07/2006	NH12B	17		22	63	Hiếu	
13	000451	1201011265	Lê Huy Hoàng	06/01/2006	NH12B	17		4,0	82	Huy	
14	000452	1201011270	Vũ Thị Thu Huệ	25/05/2006	NH12B	17		10	76	Huê	
15	000453	1201011273	Nguyễn Đức Hưng	18/01/2006	NH12B	17		21	78	Hưng	
16	000454	1201011778	Ngô Thị Thúy Hường	02/11/2006	NH12B	17		19	75	H	
17	000455	1201011278	Nguyễn Quang Huy	05/01/2006	NH12B	17		20	81	Quang	
18	000456	1201011280	Nông Thái Huy	20/10/2006	NH12B	17		19	84	Huy	
19	000457	1201011590	Lưu Thị Huyền	27/07/2005	NH12B	17		10	80	Huyền	
20	000458	1201011289	Phạm Đăng Khoa	09/11/2006	NH12B	17		17	61	Khoa	
21	000459	1201011293	Vũ Thành Liêm	03/01/2006	NH12B	18		24	77	Liêm	
22	000460	1201011593	Hồ Thị Diệu Linh	04/01/2006	NH12B	18		17	83	Linh	
23	000461	1201011297	Hoàng Khánh Linh	08/01/2006	NH12B	18		15	74	Linh	
24	000462	1201011312	Phạm Hồng Linh	28/09/2006	NH12B	18		22	76	linh	
25	000463	1201011315	Trần Thị Khánh Linh	20/12/2006	NH12B	18					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 20

Tổng số tờ giấy thi: 20

Tổng số biên bản: 2

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Văn

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000464	1201011324	Đào Khánh	Ly	30/10/2006	NH12B	18					ĐK
2	000465	1201010960	Trần Đăng	Mạnh	30/05/2006	NH12B	18					ĐK
3	000466	1201011340	Lê Thị Trà	My	15/12/2006	NH12B	18		6,0	89	My	
4	000467	1201011343	Nguyễn Trà	My	10/01/2006	NH12B	18		7,0	90	My	
5	000468	1201011345	Trần Hoàng	Nam	19/10/2006	NH12B	18					ĐK
6	000469	1201011353	Đỗ Thị Bích	Ngọc	26/07/2006	NH12B	18		9,0	88	Ngọc	
7	000470	1201011594	Lò Hoàng Khánh	Nhi	28/05/2006	NH12B	18					ĐK
8	000471	1201011374	Đặng Thanh	Phúc	06/01/2006	NH12B	18		17	81	Phúc	
9	000472	1201011376	Nguyễn Việt	Phúc	15/02/2005	NH12B	18		10	86	Phúc	
10	000473	1201011379	Đào Minh	Phương	13/02/2006	NH12B	18		16	85	Phương	
11	000474	1201011386	Nguyễn Đức	Quân	12/06/2006	NH12B	18		5,0	83		
12	000475	1201011394	Giáp Hồng	Son	24/07/2006	NH12B	18		21	84	Son	
13	000476	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	18					HP,ĐK
14	000477	1201011403	Đào Tất	Thắng	20/01/2006	NH12B	18		18	81	Thắng	
15	000478	1201011418	Nguyễn Anh	Thư	27/02/2006	NH12B	18		19	82	Thư	
16	000479	1201011434	Nguyễn Thùy	Trang	03/12/2006	NH12B	18		15	80	Trang	
17	000480	1201011443	Hoàng Anh	Tuấn	04/05/2006	NH12B	18					ĐK
18	000481	1201011447	Trần Bùi	Tuấn	06/06/2006	NH12B	18		19	79	Tuấn	
19	000482	1201011456	Nguyễn Văn	Việt	30/06/2005	NH12B	18					ĐK
20	000483	1201011466	Trần Hải	Yến	08/03/2006	NH12B	18		12	78	Yến	
21	000484	1201020046	Đinh Thu	An	07/12/2006	KD12A	19		18	77	An	
22	000485	1201020058	Lê Phương	Anh	14/01/2006	KD12A	19		17	76	Anh	
23	000486	1201020070	Nguyễn Quế	Anh	24/10/2006	KD12A	19		14	75	Anh	
24	000487	1201020079	Phạm Hải	Anh	17/11/2006	KD12A	19		20	74	Anh	
25	000488	1201020085	Trần Diệu	Anh	03/10/2006	KD12A	19		18	73	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 18...

Tổng số tờ giấy thi: 18...

Tổng số biên bản: 0...

Cán bộ coi thi 1

[Signature]

Lê Thị Ngọc Hoa

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

[Signature]

Trần T Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000489	1201021663	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	10/01/2006	KD12A	19		22	120	Ánh	
2	000490	1201021792	Phan Lưu Minh	Ánh	23/05/2004	KD12A	19		22	119	Minh	
3	000491	1201020109	Phạm Quỳnh	Chi	19/06/2006	KD12A	19		10	110	Chi	
4	000492	1201021692	Phạm Thành	Đạt	02/09/2006	KD12A	19		04	116	Đạt	
5	000493	1201020115	Đào Ngọc	Diệp	06/04/2006	KD12A	19		15	113	Diệp	
6	000494	1201021694	Đỗ Xuân	Đức	09/08/2004	KD12A	19					ĐK
7	000495	1201020128	Dương Anh	Dũng	05/08/2006	KD12A	19		05	109	Dũng	
8	000496	1201020135	Nguyễn Thị Thùy	Dương	10/01/2006	KD12A	19		17	117	Dương	
9	000497	1201021484	Đỗ Thị Hương	Giang	12/11/2006	KD12A	19		23	118	Hương	
10	000498	1201020154	Vũ Thị Thu	Hà	10/09/2006	KD12A	19		18	114	Hà	(08)
11	000499	1201020164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/07/2006	KD12A	19		05	115	Hằng	
12	000500	1201021768	Ngô Thị	Hào	28/09/2006	KD12A	19		24	112	Hào	
13	000501	1201021821	Trần Thị Thu	Hiền	02/10/2006	KD12A	19		10	111	Hiền	
14	000502	1201020189	Đặng Thu	Hương	23/05/2004	KD12A	19		20	107	Hương	
15	000503	1201020204	Lê Thị Trần	Huyền	05/07/2006	KD12A	19		03	103	Huyền	
16	000504	1201020212	Nguyễn Thu	Huyền	01/01/2006	KD12A	19		06	105	Huyền	
17	000505	1201020218	Nguyễn Lê Đăng	Khánh	14/07/2006	KD12A	19		18	108	Khánh	
18	000506	1201020222	Thân Tuấn	Kiệt	17/08/2006	KD12A	19		22	106	Kiệt	
19	000507	1201020231	Nguyễn Lê Phương	Lan	16/12/2006	KD12A	19		15	113	Lan	
20	000508	1201021763	Đặng Thị Thùy	Linh	28/09/2006	KD12A	19		05	101	Linh	
21	000509	1201020646	Đinh Thị Diệu	Linh	16/08/2006	KD12A	19		10	105	Linh	
22	000510	1201020251	Nguyễn Thái Thùy	Linh	05/05/2006	KD12A	19		13	120	Linh	
23	000511	1001020279	Nguyễn Phương	Thảo	30/10/2004	KD12A	19		10	97	Thảo	
24	000512	1201021495	Phạm Phương	Linh	19/07/2006	KD12A	20		05	95	Linh	
25	000513	1201020267	Trần Hồng	Loan	25/07/2006	KD12A	20		14	91	Loan	
26	000514	1201020276	Đỗ Thị Khánh	Ly	10/12/2006	KD12A	20		16	93	Ly	
27	000515	1201020288	Nguyễn Thị Như	Mai	25/11/2006	KD12A	20		05	94	Mai	
28	000516	1201020297	Hoàng Thị Trà	My	22/12/2006	KD12A	20		05	92	My	
29	000517	1201021497	Đoàn Thị Thu	Nga	29/07/2006	KD12A	20		22	99	Nga	

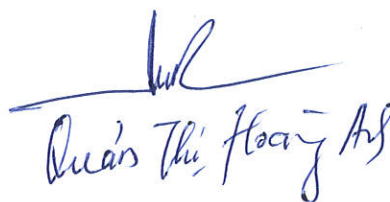
STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000518	1201020311	Lê Thị	Ngân	02/04/2006	KD12A	20		05	102	Ngân	
31	000519	1201021500	Ngô Thị Mỹ	Ngọc	05/10/2006	KD12A	20		16	110	Ngọc	
32	000520	1201020333	Khuông Thị Uyên	Nhi	26/08/2006	KD12A	20		15	98	Nhi	
33	000521	1201020350	Nguyễn Thị Kim	Oanh	09/03/2006	KD12A	20		20	100	Oanh	
34	000522	1201021787	Lý Thu	Phuong	14/10/2006	KD12A	20		04	96	Phuong	

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1


Quản Thị Hoàng Anh

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2


Hà Thu Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000523	1201020367	Vũ Minh	Quang	25/08/2005	KD12A	20		23	115	Quang	
2	000524	1201021506	Hoàng Ngọc	Sơn	17/04/2004	KD12A	20					HP, ĐK
3	000525	1201020384	Đàm Thanh	Thảo	02/08/2005	KD12A	20		19	93	Thảo	
4	000526	1201020395	Trần Thị Thanh	Thảo	04/09/2006	KD12A	20		20	120	Thảo	
5	000527	1101021039	Vũ Thị	Thảo	13/01/2005	KD12A	20		23	119	Thảo	HP
6	000528	1201020399	Đỗ Thị	Thu	30/08/2005	KD12A	20		19	91	Thu	
7	000529	1201020410	Nguyễn Anh	Thư	21/12/2006	KD12A	20		19	118	Thư	
8	000530	1201020419	Vũ Thị Thu	Thủy	22/07/2006	KD12A	20		24	112	Thủy	
9	000531	1201020428	Đinh Quỳnh	Trang	09/10/2006	KD12A	20		25	116	Trang	
10	000532	1201021514	Nguyễn Huyền	Trang	23/12/2006	KD12A	20		24	117	Trang	
11	000533	1201020438	Nguyễn Quỳnh	Trang	04/12/2006	KD12A	20		19	111	Sơn	
12	000534	1201020448	Phạm Hà	Trang	11/12/2006	KD12A	20		24	113	Trang	
13	000535	1201021517	Vũ Thị Thu	Trang	19/07/2006	KD12A	20		20	114	Trang	
14	000536	1201020461	Nguyễn Đăng	Tuấn	26/09/2006	KD12A	20		24	92	Tuấn	
15	000537	1201020470	Phạm Hồng	Vân	31/12/2006	KD12A	20		25	94	Vân	
16	000538	1201020479	Lê Thị	Vui	04/12/2005	KD12A	20		50	96	Vui	
17	000539	1201020487	Dư Hải	Yến	11/08/2006	KD12A	20		20	95	Yến	
18	000540	1201020051	Dương Huyền Phương	Anh	30/10/2006	KD12B	21		18	97	Anh	
19	000541	1201020080	Phạm Huyền	Anh	03/07/2005	KD12B	21		18	99	Anh	
20	000542	1201020089	Trần Thị Ngọc	Anh	30/08/2006	KD12B	21		18	98	Anh	
21	000543	1201020095	Hoàng Thị Kim	Ánh	02/09/2006	KD12B	21		23	100	Ánh	
22	000544	1201020103	Đoàn Linh	Chi	24/04/2006	KD12B	21		23	101	Chi	
23	000545	1201020110	Tăng Yến	Chi	19/10/2006	KD12B	21		18	104	Chi	
24	000546	1201021817	Nguyễn Trung	Đức	01/07/2006	KD12B	21		19	102	Đức	
25	000547	1201020126	Trần Thị Phương	Dung	14/03/2006	KD12B	21		25	105	Dung	
26	000548	1201021800	Nguyễn Đức	Dũng	06/01/2006	KD12B	21		24	103	Dũng	
27	000549	1201020131	Đỗ Thị Ánh	Dương	19/06/2006	KD12B	21		18	107	Dương	
28	000550	1201021695	Nguyễn Thị Thùy	Dương	08/03/2006	KD12B	21		23	106	Dương	
29	000551	1201020142	Lại Hương	Giang	01/01/2006	KD12B	21		22	108	Giang	
30	000552	1201020151	Nguyễn Thúy	Hà	10/05/2006	KD12B	21		20	109	Hà	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000553	1201021811	Phạm Thị Thúy	Hằng	02/07/2006	KD12B	21		22	110	Hằng	
32	000554	1201021776	Đỗ Thanh	Hiền	25/10/2004	KD12B	21		22	92	Hiền	
33	000555	1201020177	Lê Thị Quỳnh	Hoa	28/09/2006	KD12B	21		20	111	Sinh	
34	000556	1201020181	Hoàng Thu	Hoài	04/02/2006	KD12B	21		19	93	Hoài	

Tổng số sinh viên dự thi: 33

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Lam Hoàng Thị Thương Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000557	1201021774	Hà Hoàng Quỳnh	Hương	28/06/2006	KD12B	21					HP,ĐK
2	000558	1201020197	Nguyễn Thị Thu	Hương	06/11/2006	KD12B	21		6,0	110	Hương	
3	000559	1201021490	Vũ Khánh	Huyền	18/03/2006	KD12B	21		23	120	Huyền	
4	000560	1201020232	Nguyễn Thị	Lan	11/10/2006	KD12B	21		19	119	Lan	
5	000561	1201021492	Đào Thị Khánh	Linh	26/10/2006	KD12B	21		20	118	Linh	
6	000562	1201020258	Trần Ngọc	Linh	30/06/2006	KD12B	21		14	117	Linh	
7	000563	1201020263	Lê Thanh	Loan	24/10/2006	KD12B	21		5,0	11	Loan	
8	000564	1201020268	Nguyễn Thành	Long	22/04/2006	KD12B	21		18	116	Long	
9	000565	1201020277	Lê Cẩm	Ly	16/01/2006	KD12B	22		4,0	113	Ly	
10	000566	1201020298	Lê Thị Huyền	My	22/07/2006	KD12B	22		16	115	My	
11	000567	1201021771	Nguyễn Thị	Nga	20/09/2006	KD12B	22		13	114	Nga	
12	000568	1201020308	Khương Thị	Ngân	02/05/2006	KD12B	22		20	112	Ngân	
13	000569	1201020312	Nguyễn Thị Kim	Ngân	14/08/2006	KD12B	22		20	109	Ngân	
14	000570	1201020325	Vũ Minh	Nguyệt	06/07/2006	KD12B	22		7,0	108	Nguyệt	
15	000571	1201020335	Nguyễn Nguyệt	Nhi	20/10/2006	KD12B	22		9,0	107	Nhi	
16	000572	1201021773	Hoàng Tuyết	Nhung	08/10/2006	KD12B	22		9,0	106	Nhung	
17	000573	1201020359	Ngô Thị Minh	Phương	19/02/2006	KD12B	22		22	105	Phương	
18	000574	1201020368	Ngô Ngọc	Quỳnh	03/03/2006	KD12B	22		14	104	Quỳnh	
19	000575	1201020385	Đỗ Phương	Thảo	19/01/2006	KD12B	22		6,0	103	Thảo	
20	000576	1201021810	Nguyễn Phương	Thảo	01/07/2006	KD12B	22		19	102	Thảo	
21	000577	1201020393	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/08/2006	KD12B	22		23	101	Thảo	
22	000578	1201020400	Lê Hoàng Minh	Thu	02/08/2006	KD12B	22		12	100	Thu	
23	000579	1201021645	Phùng Thị Minh	Thư	24/08/2006	KD12B	22					HP,ĐK
24	000580	1201020413	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	12/05/2003	KD12B	22		22	99	Thúy	
25	000581	1201020422	Hoàng Kim	Tiếp	25/10/2006	KD12B	22					vắng.
26	000582	1201020423	Trần Thị	Toán	28/03/2000	KD12B	22		15	98	Toán	
27	000583	1201021644	Đinh Thị Quỳnh	Trang	25/04/2006	KD12B	22		13	97	Trang	
28	000584	1201020439	Nguyễn Quỳnh	Trang	30/06/2006	KD12B	22		8,0	95	Trang	
29	000585	1201020449	Phạm Thị Huyền	Trang	03/01/2006	KD12B	22		13	94	Trang	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000586	1201020462	Nguyễn Thị	Tươi	05/01/2006	KD12B	22		7,0	93	Tươi	
31	000587	1201020471	Đỗ Thị Cẩm	Vi	16/10/2005	KD12B	22		15	92	Vi	
32	000588	1201021144	Hoàng Lan	Vy	22/08/2006	KD12B	22		20	96	Vy	
33	000589	1201020489	Lưu Thị Hải	Yên	26/10/2006	KD12B	22		18	91	Yên	

Tổng số sinh viên dự thi:.....30..

Tổng số tờ giấy thi:.....30..

Tổng số biên bản:.....9..

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Mùi Hoa

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Trần T Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000590	1201020052	Dương Thị Phương	Anh	05/05/2006	KD12C	23		21	102	Anh	
2	000591	1201021655	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	30/11/2005	KD12C	23		12	93	Anh	
3	000592	1201020072	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/04/2004	KD12C	23		10	100	Anh	
4	000593	1201020074	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/06/2006	KD12C	23		10	107	Anh	
5	000594	1201020081	Phạm Ngọc	Anh	28/07/2005	KD12C	23					
6	000595	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	23		05	95	Anh	
7	000596	1201020105	Lê Thị Quỳnh	Chi	18/08/2006	KD12C	23		02	113	Chi	
8	000597	1201020111	Đỗ Thị	Cúc	03/01/2006	KD12C	23		18	101	Cúc	
9	000598	1201020494	Trịnh Tuấn	Đạt	28/06/2006	KD12C	23		22	99	Đạt	
10	000599	1201021603	Bùi Quỳnh	Diễm	25/02/2006	KD12C	23		18	119	Diễm	
11	000600	1201020117	Lê Thị Huyền	Diệu	24/08/2006	KD12C	23		13	98	Diệu	
12	000601	1201021807	Ngô Thị	Dung	08/12/2006	KD12C	23		05	96	Dung	
13	000602	1201020136	Nguyễn Thùy	Dương	28/06/2006	KD12C	23		04	97	Dương	
14	000603	1201021671	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/05/2006	KD12C	23		16	105	Giang	
15	000604	1201021486	Trần Thị Thúy	Hà	15/02/2006	KD12C	23		19	102	Hà	
16	000605	1201020165	Phạm Việt	Hằng	07/11/2006	KD12C	23		22	103	Hằng	
17	000606	1201020168	Đỗ Thị Thu	Hiền	14/07/2006	KD12C	23		15	104	Hiền	
18	000607	1201021770	Nguyễn Văn	Hiệu	19/11/2006	KD12C	23		05	106	Hiệu	
19	000608	1201020182	Sái Thị Thu	Hoài	18/11/2006	KD12C	23					ĐK
20	000609	1201020191	Lò Thị	Hương	08/11/2005	KD12C	23		17	120	Hương	
21	000610	1201020202	Dương Khánh	Huyền	08/06/2006	KD12C	23		21	112	Huyền	
22	000611	1201021791	Nguyễn Đan	Khanh	17/12/2006	KD12C	23		15	108	Khanh	
23	000612	1201020220	Phùng Hữu	Khánh	03/09/2006	KD12C	23		09	94	Khánh	
24	000613	1201020224	Nguyễn Thị Thanh	Lam	18/08/2006	KD12C	23		15	115	Lam	
25	000614	1201020233	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	01/09/2005	KD12C	23		21	116	Lan	
26	000615	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	23		không	105	Linh	
27	000616	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	23		17	914	Sgk.	
28	000617	1201021704	Nguyễn Thị Hoài	Linh	15/12/2005	KD12C	24		06	92	Linh	
29	000618	1201020261	Vũ Thị Thùy	Linh	13/10/2006	KD12C	24					HP, ĐK
30	000619	1201020269	Lê Văn	Luân	21/08/2004	KD12C	24		10	111	Luân	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
31	000620	1201020278	Nguyễn Khánh	Ly	20/11/2006	KD12C	24		19	118	Ly	
32	000621	1201020306	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	16/12/2006	KD12C	24		05	96	Nga	
33	000622	1201021601	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/10/2006	KD12C	24		08	106	Ngân	
34	000623	1201020318	Nguyễn Minh	Ngọc	24/11/2006	KD12C	24		08	109	Ngọc	

Tổng số sinh viên dự thi: 31...

Tổng số tờ giấy thi: 31...

Tổng số biên bản: 01...

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn T. Văn

Ngày 12... tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000624	1201020319	Phạm Bích	Ngọc	20/08/2006	KD12C	24		20	120	Ngọc	
2	000625	1201020327	Nguyễn Thị	Nhài	08/12/2005	KD12C	24		8,0	119	Nhài	
3	000626	1201021501	Phạm Hoàng Bảo	Nhi	20/08/2006	KD12C	24		22	118	Nhi	
4	000627	1201021819	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/01/2006	KD12C	24		16	117	Nhung	
5	000628	1201020352	Bùi Thu	Phương	08/09/2006	KD12C	24		14	116	Phương	
6	000629	1201020362	Phùng Minh	Phương	21/01/2006	KD12C	24		17	115	Phùng	
7	000630	1201021805	Ngô Thị Thuý	Quỳnh	04/08/2006	KD12C	24		17	114	Quỳnh	
8	000631	1201020377	Trần Thị Minh	Tâm	24/03/2006	KD12C	24		14	113	Tâm	
9	000632	1201020388	Lê Thị	Thảo	05/11/2006	KD12C	24		5,0	111	Thảo?	
10	000633	1201020402	Bùi Anh	Thư	24/07/2005	KD12C	24		24	109	Thư	
11	000634	1201020415	Đào Thị Thanh	Thùy	30/04/2006	KD12C	24		5,0	110	Thùy	
12	000635	1201021820	Nguyễn Mai	Trang	06/06/2006	KD12C	24		20	95	Trang	
13	000636	1201021751	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/02/2006	KD12C	24		19	108	Trang	
14	000637	1201020447	Nguyễn Thùy	Trang	23/04/2006	KD12C	24		24	107	Trang	
15	000638	1201020450	Phạm Thị Ngọc	Trang	06/07/2006	KD12C	24		18	106	Trang	
16	000639	1201021777	Trần Đình	Trung	03/04/2006	KD12C	24		21	105	Trung	
17	000640	1201020465	Nguyễn Tú	Uyên	26/04/2006	KD12C	24		23	104	Uyên	
18	000641	1201020473	Nguyễn Khánh	Vi	23/04/2006	KD12C	24		24	103	Vi	
19	000642	1201020482	Đinh Kiều	Xuân	06/05/2006	KD12C	24		19	102	Xuân	
20	000643	1201021606	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/07/2006	KD12C	24		23	101	Yến	
21	000644	1201021806	Lê Hải	Anh	21/10/2006	KD12D	25		20	100	Anh	
22	000645	1201021672	Nguyễn Thị Kiều	Anh	09/06/2006	KD12D	25		10	99	Anh	
23	000646	1201020075	Nguyễn Thị Phương	Anh	28/10/2006	KD12D	25		8,0	96	Anh	
24	000647	1201021669	Phan Thị Ngọc	Anh	01/01/2006	KD12D	25		20	97	Anh	
25	000648	1201020091	Trần Thị Vân	Anh	27/10/2006	KD12D	25		22	98	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi: 25...

Tổng số tờ giấy thi: 25...

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 19 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Văn Thắng

Lê Phú Thanh



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 20
Giảng đường: A15_CS2

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tiếng anh cơ bản 1 (Vấn đáp thi ngày 19/06/2025)

[Signature]

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000936	1001080382	Đình Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	35		24	112	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi:...../.....

Tổng số tờ giấy thi:...../.....

Tổng số biên bản:...../.....

Ngày 19 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Trưởng phòng

[Signature]
Bí thư



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Văn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000649	1201021637	Nguyễn Hồng	Ánh	25/09/2006	KD12D	25		10	149	Ánh	
2	000650	1201020106	Lý Quỳnh	Chi	31/03/2006	KD12D	25		23	147	Chi	
3	000651	1201021790	Lê Mạnh	Cường	06/12/2006	KD12D	25		15	141	Cường	
4	000652	1201021477	Phạm Lệ	Diễm	23/06/2006	KD12D	25		18	146	Diễm	
5	000653	1201020125	Nguyễn Thị Thùy	Dung	26/04/2006	KD12D	25		20	145	Dung	
6	000654	1201020132	Đỗ Thị Quỳnh	Dương	31/07/2006	KD12D	25		25	150	Dương	
7	000655	1201020144	Trần Hương	Giang	22/11/2006	KD12D	25		20	148	Giang	
8	000656	1201020152	Vũ Nguyễn Nguyệt	Hà	02/01/2006	KD12D	25					HP,ĐK
9	000657	1201020157	Đặng Thị	Hân	08/04/2006	KD12D	25		19	144	Hân	
10	000658	1201020166	Lê Mỹ	Hạnh	13/11/2006	KD12D	25		10	143	Hạnh	
11	000659	1201020174	Dương Xuân	Hình	11/01/2006	KD12D	25		22	142	Hình	
12	000660	1201021488	Ngô Thị Thu	Hương	09/10/2006	KD12D	25		19	133	Hương	
13	000661	1201020209	Nguyễn Thị	Huyền	27/10/2006	KD12D	25		10	147	Huyền	
14	000662	1201021656	Nguyễn Lê	Khanh	07/04/2006	KD12D	25					Vay
15	000663	1201021815	Nguyễn Đăng	Khôi	09/12/2006	KD12D	25		21	137	Khôi	
16	000664	1201020225	Lê Thanh	Lâm	30/09/2006	KD12D	25		18	132	Lâm	
17	000665	1201020234	Trần Thị Ngọc	Lan	02/03/2006	KD12D	25		20	138	Lan	
18	000666	1201020241	Dư Thị Thùy	Linh	08/03/2006	KD12D	25		15	136	Linh	
19	000667	1201020254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2006	KD12D	25		18	148	Linh	
20	000668	1201020270	Nguyễn Thị Huyền	Lương	22/08/2006	KD12D	25		10	125	Lương	
21	000669	1201020280	Phạm Quỳnh	Ly	29/08/2006	KD12D	25		19	150	Ly	
22	000670	1201020291	Vũ Thị Huệ	Mẫn	15/11/2006	KD12D	25		20	131	Mẫn	
23	000671	1201020292	Bùi Thị Ngọc	Minh	01/09/2006	KD12D	26		5.0	144	Minh	
24	000672	1201020300	Nguyễn Thị Trà	My	14/03/2006	KD12D	26		21	126	My	
25	000673	1201020307	Chu Thị Phương	Ngân	03/06/2004	KD12D	26					✓
26	000674	1201021708	Quách Thanh	Ngọc	14/08/2006	KD12D	26		18	129	Ngọc	
27	000675	1201020322	Đoàn Nhật	Nguyên	19/08/2006	KD12D	26		24	136	Nguyên	
28	000676	1201020330	Đặng Thị Yến	Nhi	21/09/2006	KD12D	26		18	124	Nhi	
29	000677	1201020339	Trần Ánh	Nhi	13/06/2006	KD12D	26		23	134	Nhi	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000678	1201020347	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	03/10/2006	KD12D	26		18	133	Ninh	
31	000679	1201020353	Chích Hoàng	Phương	16/07/2005	KD12D	26		18	128	Phuong	
32	000680	1201020363	Trần Phan Thanh	Phương	06/12/2006	KD12D	26		17	135	Ph	
33	000681	1201020371	Nguyễn Như	Quỳnh	10/10/2006	KD12D	26		5.0	127	Quỳnh	
34	000682	1201020378	Lê Hoàng	Tân	04/12/2006	KD12D	26		23	130	Tân	

Tổng số sinh viên dự thi: 31.

Tổng số tờ giấy thi: 31.

Tổng số biên bản: 0.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Lam

Kho Thị Tâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp) *2*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000683	1201020389	Lê Thị Huyền	Thảo	27/10/2006	KD12D	26		20	150	Thảo	
2	000684	1201020394	Nguyễn Thị Phương	Thảo	17/06/2006	KD12D	26		22	149	Thảo	
3	000685	1201020416	Đào Thanh	Thủy	19/09/2006	KD12D	26		18	148	Thủy	
4	000686	1201020424	Đoàn Thị Thu	Trà	07/03/2006	KD12D	26		20	147	Tra	
5	000687	1201020431	Hoàng Thị Thu	Trang	19/01/2006	KD12D	26		10	146	Anh	
6	000688	1201020435	Nguyễn Ngọc	Trang	09/11/2006	KD12D	26		16	145	Trang	
7	000689	1201020443	Nguyễn Thị Thu	Trang	23/03/2006	KD12D	26		19	144	Trang	
8	000690	1201020451	Phạm Thu	Trang	29/06/2005	KD12D	26		20	143	Trang	
9	000691	1201020453	Trần Huyền	Trang	29/07/2006	KD12D	26		20	142	Trang	
10	000692	1201020466	Phạm Thị Hoàng	Uyên	14/04/2006	KD12D	26		21	141	Uyên	
11	000693	1201020475	Đinh Văn	Vĩ	10/02/2006	KD12D	26		6,0	127	Vi	
12	000694	1201020483	Đào Nguyễn Như	Ý	25/02/2006	KD12D	26		19	140	Nguyễn	
13	000695	1201020491	Vũ Hải	Yến	07/12/2006	KD12D	26		5,0	139	Yến	
14	000696	1201020056	Lê Ngọc	Anh	13/07/2006	KD12E	27		9,0	138	Anh	
15	000697	1201020068	Nguyễn Phương	Anh	10/12/2006	KD12E	27		18	137	Anh	
16	000698	1201020076	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/10/2006	KD12E	27		23	136	Anh	
17	000699	1201020083	Phan Thị Quỳnh	Anh	23/11/2006	KD12E	27		10	124	Anh	
18	000700	1201020096	Nguyễn Ngọc	Ánh	08/04/2006	KD12E	27		24	122	Ánh	
19	000701	1201020107	Nguyễn Linh	Chi	04/09/2006	KD12E	27		21	135	Chi	
20	000702	1201020112	Phùng Mạnh	Cường	06/01/2006	KD12E	27		18	125	Chi	
21	000703	1201020113	Trịnh Thị	Diễm	12/05/2006	KD12E	27		8,0	134	Diễm	
22	000704	1201020116	Phạm Lê Ngọc	Diệp	25/12/2006	KD12E	27		20	132	Diệp	
23	000705	1201021693	Hà Thị	Dịu	05/12/2006	KD12E	27		6,0	133	Dịu	
24	000706	1201020133	Lê Thùy	Dương	24/04/2005	KD12E	27		15	131	Thùy	
25	000707	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	27		5,0	129	Thùy	
26	000708	1201020146	Đào Thu	Hà	04/05/2006	KD12E	27		24	129	Hà	
27	000709	1201021822	Vũ Thị	Hà	16/01/2006	KD12E	27		12	130	Hà	
28	000710	1201020158	Nguyễn Ngọc	Hân	06/11/2006	KD12E	27		16	123	Hân	
29	000711	1201021487	Lục Thúy	Hạnh	24/11/2006	KD12E	27		10	126	Hạnh	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000712	1201020169	Đỗ Thu	Hiền	29/03/2006	KD12E	27		12	121	<i>[Signature]</i>	
31	000713	1201020175	Đỗ Quỳnh	Hoa	05/07/2006	KD12E	27		18	144	Hoa	
32	000714	1201020184	Nguyễn Thị	Hồng	06/02/2006	KD12E	27		5,0	145	Hồng	
33	000715	1201020192	Ngô Thu	Hương	04/06/2006	KD12E	27					V
34	000716	1201020200	Nguyễn Khánh	Hường	28/12/2006	KD12E	27		18	146	Hường	

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

Tổng số biên bản: 0.....

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Hoàng Văn Thắng

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
Trần T Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000717	1201020210	Nguyễn Thị Thu	Huyền	23/12/2006	KD12E	27		10	128	Huyền	
2	000718	1201020216	Ngô Ngọc	Khánh	04/10/2006	KD12E	27		21	150	Khánh	
3	000719	1201020221	Hoàng Thị	Khuê	13/01/2005	KD12E	27		17	149	Khuê	
4	000720	1201020226	Nguyễn Bảo	Lâm	14/10/2006	KD12E	27		18	144	Lâm	
5	000721	1201020236	Vũ Thị Kim	Lan	18/01/2006	KD12E	27		22	147	Lan	
6	000722	1201020245	Lã Thị Phương	Linh	06/11/2006	KD12E	27		20	148	Linh	
7	000723	1201020264	Lê Thị Kiều	Loan	03/04/2006	KD12E	28		16	146	Loan	
8	000724	1201020272	Đào Thị Thanh	Luyến	30/06/2006	KD12E	28		17	145	Luyến	
9	000725	1201020285	Đỗ Ngọc	Mai	02/11/2006	KD12E	28		18	143	Mai	
10	000726	1201021654	Trương Thị Ngọc	Mai	04/10/2006	KD12E	28		16	142	Mai	
11	000727	1201020293	Đỗ Đức	Minh	18/05/2006	KD12E	28		18	141	Đức	
12	000728	1201021707	Đỗ Thị	Na	03/12/2006	KD12E	28		15	144	Na	
13	000729	1201020314	Phạm Hồng	Ngát	06/04/2005	KD12E	28		21	137	Ngát	
14	000730	1201020320	Trịnh Minh	Ngọc	28/12/2006	KD12E	28		20	139	Ngọc	
15	000731	1201021600	Nguyễn Thảo	Nguyên	16/09/2006	KD12E	28		19	135	Nguyễn	
16	000732	1201021813	Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	28		10	136	Nhi	
17	000733	1201020341	Trương Thị Yến	Nhi	04/10/2006	KD12E	28		20	140	Nhi	
18	000734	1201020343	Nguyễn Thị Huyền	Như	03/02/2006	KD12E	28					ĐK
19	000735	1201020348	Trần Thị Ánh	Ninh	23/08/2006	KD12E	28		17	131	Ninh	
20	000736	1201020354	Đặng Thị Minh	Phương	21/12/2006	KD12E	28		18	136	Phương	
21	000737	1201021666	Trần Thị Minh	Phương	03/12/2006	KD12E	28		18	133	Phương	
22	000738	1201021505	Nguyễn Như	Quỳnh	09/01/2006	KD12E	28		15	132	Quỳnh	
23	000739	1201020379	Đinh Phương	Thanh	13/08/2006	KD12E	28		18	130	Thanh	
24	000740	1201020390	Lê Thị Phương	Thảo	23/02/2006	KD12E	28		22	129	Thảo	
25	000741	1201020404	Lê Anh	Thư	12/11/2006	KD12E	28		10	128	Thư	

Tổng số sinh viên dự thi: *24*...

Tổng số tờ giấy thi: *24*...

Tổng số biên bản: *0*...

Cán bộ coi thi 1

Ngày *20* tháng *6* năm *2025*

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Như Hà

Hoàng Thị Thương Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000742	1201020417	Trần Thu	Thủy	19/08/2006	KD12E	28		22	150	Thủy	
2	000743	1201021670	Đỗ Thị	Trâm	03/07/2006	KD12E	28		18	146	Trâm	
3	000744	1201020432	Lê Mai	Trang	14/11/2006	KD12E	28		21	149	Trang	X
4	000745	1201020436	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/08/2006	KD12E	28		20	148	Trang	
5	000746	1201020446	Nguyễn Thùy	Trang	10/01/2005	KD12E	28		21	149	Trang	147
6	000747	1201020452	Thân Hiền	Trang	08/03/2006	KD12E	28		19	145	Trang	
7	000748	1201020684	Nguyễn Thanh	Tú	23/10/2006	KD12E	28		21	144	Thú	
8	000749	1201020468	Lê Thùy	Vân	17/09/2006	KD12E	28		18	143	Vân	
9	000750	1201020476	Ngô Lê Hoàng	Việt	14/07/2006	KD12E	28		16	142	Việt	
10	000751	1201020057	Lê Nhật	Anh	14/01/2006	KD12G	29		18	141	Anh	
11	000752	1201020069	Nguyễn Phương	Anh	16/11/2006	KD12G	29		22	139	Phương	
12	000753	1201020077	Nguyễn Thùy	Anh	02/07/2006	KD12G	29		10	140	Anh	
13	000754	1201020084	Phùng Quỳnh	Anh	05/06/2006	KD12G	29		22	138	Anh	
14	000755	1201020093	Bùi Thị Ngọc	Ánh	22/04/2006	KD12G	29		18	137	Ánh	
15	000756	1201020097	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	30/07/2006	KD12G	29		18	136	Ánh	
16	000757	1201020108	Nguyễn Mai	Chi	31/05/2006	KD12G	29		20	135	Chi	
17	000758	1201021823	Dương Thị Anh	Đào	26/09/2004	KD12G	29		21	134	Đào	
18	000759	1201020114	Hoàng Thị	Điềm	10/01/2005	KD12G	29		18	133	Điềm	
19	000760	1201020120	Nguyễn Thị	Dịu	15/12/2006	KD12G	29		19	132	Dịu	
20	000761	1201020127	Đỗ Tiến	Dũng	19/02/2006	KD12G	29		19	131	Dũng	
21	000762	1201020134	Ngô Thùy	Dương	10/07/2006	KD12G	29		22	129	Dương	
22	000763	1201020139	Vũ Đức	Duy	22/10/2003	KD12G	29		22	130	Duy	
23	000764	1201020153	Vũ Thị Thu	Hà	22/06/2006	KD12G	29		19	129	Hà	
24	000765	1201020156	Ngô Thị Thanh	Hải	11/09/2006	KD12G	29		20	137	Hải	
25	000766	1201020159	Phạm Thị Thùy	Hân	04/07/2006	KD12G	29		12	126	Hân	
26	000767	1201020167	Ngô Minh	Hạnh	17/02/2006	KD12G	29		20	125	Hạnh	
27	000768	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	29					DK
28	000769	1201020171	Phạm Ngọc	Hiền	23/07/2006	KD12G	29		23	124	Hiền	
29	000770	1201020176	Đoàn Thị Phương	Hoa	30/10/2006	KD12G	29					DK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000771	1201020186	Trần Thị Hồng	Huế	16/11/2006	KD12G	29		19	123	Huế	
31	000772	1201020195	Nguyễn Thanh	Hương	11/02/2006	KD12G	29		20	140	hn	
32	000773	1201020201	Nguyễn Quang	Huy	29/01/2004	KD12G	29		16	137	Huy	
33	000774	1201020211	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/06/2006	KD12G	29		16	149	Huyền	
34	000775	1201020217	Nguyễn Bá	Khánh	01/08/2006	KD12G	29		23	150	Khánh	

Tổng số sinh viên dự thi: ...32...

Tổng số tờ giấy thi: ...32...

Tổng số biên bản:0.....

Cán bộ coi thi 1


Nguyễn T. Văn.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2


Đinh Thị Luyện



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000776	1201021491	Đặng Trung	Kiên	23/09/2006	KD12G	29		20	121	Kien	
2	000777	1201020230	Bùi Thị Ngọc	Lan	30/04/2006	KD12G	29		5,0	126	Lan	
3	000778	1201020239	Chu Khánh	Linh	28/12/2006	KD12G	29		17	128	Chu	
4	000779	1201020351	Trần Đức	Phát	02/08/2006	KD12G	29		24	140	Tran	
5	000780	1201020249	Nguyễn Hoàng	Linh	13/07/2006	KD12G	30		24	127	Hoàng	
6	000781	1201020265	Ngô Thị Phương	Loan	06/06/2006	KD12G	30		20	190	Loan	
7	000782	1201020274	Chu Thị Hương	Ly	22/01/2006	KD12G	30		5,0	125	Ly	
8	000783	1201020286	Đỗ Thị Thu	Mai	22/12/2005	KD12G	30					ĐK
9	000784	1201020295	Nguyễn Tiến	Minh	23/10/2006	KD12G	30					ĐK
10	000785	1201020303	Đinh Ngọc	Nam	10/11/2006	KD12G	30					
11	000786	1201020310	Lê Bảo	Ngân	05/06/2006	KD12G	30		20	122	Bao	
12	000787	1201020315	Mã Đình	Nghiêm	11/04/2006	KD12G	30		24	149	Nghiêm	
13	000788	1201020332	Hoàng Thị Trang	Nhi	20/01/2006	KD12G	30		16	124	Nhi	
14	000789	1201020342	Lê Quỳnh	Như	12/02/2006	KD12G	30		21	123	Như	
15	000790	1201020349	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/12/2006	KD12G	30		5,0	133	Oanh	
16	000791	1201020357	Đỗ Thu	Phương	05/12/2006	KD12G	30		3,0	132	Phương	
17	000792	1201020364	Đặng Thị	Phượng	16/07/2006	KD12G	30		10	149	Phượng	
18	000793	1201020372	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	04/12/2006	KD12G	30		9,0	122	Quỳnh	
19	000794	1201020383	Chu Thạch	Thảo	31/01/2006	KD12G	30		22	131	Thảo	
20	000795	1201020391	Nguyễn Phương	Thảo	19/04/2006	KD12G	30		13	150	Thảo	
21	000796	1201020396	Vũ Thanh	Thảo	20/09/2006	KD12G	30		10	123	Thảo	
22	000797	1201020406	Lê Hoàng Minh	Thư	15/12/2006	KD12G	30		19	126	Thư	
23	000798	1201020418	Vũ Thị Thu	Thủy	28/09/2006	KD12G	30		20	141	Thủy	
24	000799	1201020426	Nguyễn Đình Huệ	Trâm	17/08/2006	KD12G	30		5,0	138	Trâm	
25	000800	1201020429	Đỗ Thị	Trang	04/12/2006	KD12G	30		5,0	148	Trang	
26	000801	1201020434	Nguyễn Huyền	Trang	15/10/2006	KD12G	30		10	139	Trang	
27	000802	1201020437	Nguyễn Quỳnh	Trang	03/07/2006	KD12G	30		22	150	Quỳnh	
28	000803	1201021638	Đặng Kiên	Trung	23/09/2006	KD12G	30		14	143	Trung	
29	000804	1201020460	Bùi Văn	Tuấn	01/01/2000	KD12G	30		22	132	Tuấn	

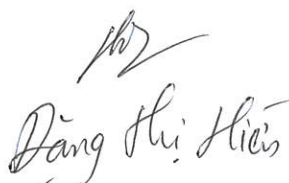
STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000805	1201020469	Nguyễn Hải	Vân	19/03/2006	KD12G	30		14	126	Vân	
31	000806	1201020478	Đào Minh	Vũ	07/10/2006	KD12G	30		20	130	Đào	
32	000807	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	31					
33	000808	1201070623	Đặng Thái	Anh	12/09/2006	KL12A	31		18	137	T. Anh	
34	000809	1201070625	Lưu Quỳnh	Anh	05/06/2006	KL12A	31		50	142	Anh	

Tổng số sinh viên dự thi:.....30.....

Tổng số tờ giấy thi:.....30.....

Tổng số biên bản:.....2.....

Cán bộ coi thi 1


Đặng Thị Hiền

Ngày 20.. tháng 6.. năm 2025

Cán bộ coi thi 2


Lê Thị Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000810	1201070637	Hoàng Thị Thu	Hiền	21/01/2006	KL12A	31		18	151	Hiền	
2	000811	1201070638	Nguyễn Thu	Hiền	21/05/2006	KL12A	31		13	176	Hiền	
3	000812	1201070639	Lê Trung	Hiếu	01/06/2006	KL12A	31		08	177	Hiếu	
4	000813	1201070641	Nguyễn Thị	Huế	27/07/2006	KL12A	31		10	179	Huế	
5	000814	1201070642	Đình Quang	Huy	06/03/2006	KL12A	31		5.0	175	Huy	
6	000815	1201070656	Hoàng Khánh	Ngọc	27/08/2006	KL12A	31		18	153	Ngọc	
7	000816	1201070661	Thiều Quý	Phúc	02/04/2005	KL12A	31		8.0	180	Phúc	
8	000817	1201070681	Trần Thị Quỳnh	Trang	11/11/2006	KL12A	31		22	155	Trang	
9	000818	1201070690	Đào Hải	Yến	24/09/2006	KL12A	31		20	152	Yến	
10	000819	1201070628	Vũ Tú	Anh	04/01/2006	QL12A	31		12	178	Anh	
11	000820	1201070631	Hoàng Thị Linh	Chiên	06/03/2006	QL12A	31		18	151	Chiên	
12	000821	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	31		22	157	Cường	
13	000822	1201070636	Phạm Thu	Hà	13/06/2006	QL12A	31		7.0	156	Ph	
14	000823	1201070644	Trần Thị Phương	Lan	19/02/2006	QL12A	31		23	177	Lan	
15	000824	1201070647	Lê Thị Mỹ	Linh	10/10/2006	QL12A	31		13	158	Linh	
16	000825	1201070649	Phạm Công	Linh	17/10/2006	QL12A	31		10	168	Linh	
17	000826	1201070658	Nguyễn Hồng	Nhung	09/07/2006	QL12A	31		17	154	Thung	
18	000827	1201070663	Nguyễn Thị	Phương	31/05/2006	QL12A	31		9.0	159	Phường	
19	000828	1201070668	Tạ Khắc	Son	05/12/2006	QL12A	31		22	169	Son	
20	000829	1201070671	Hà Phương	Thanh	13/07/2006	QL12A	31		24	165	Thanh	
21	000830	1201070672	Nguyễn Thu	Thảo	11/10/2006	QL12A	31		21	151	Thảo	
22	000831	1201070677	Ngô Thị Hương	Trà	28/12/2006	QL12A	31		19	167	Trà	
23	000832	1201070680	Lê Huyền	Trang	02/02/2006	QL12A	31		21	156	Trang	
24	000833	1201070682	Đình Vũ Việt	Trinh	01/10/2006	QL12A	31		13	173	Trinh	
25	000834	1201070687	Hoàng Quốc	Việt	03/02/2005	QL12A	31		20	174	Việt	
26	000835	1201070688	Nguyễn Thành	Vinh	02/02/2006	QL12A	31		18	152	Vinh	
27	000836	1201070689	Hồ Thảo	Vy	28/10/2006	QL12A	31		22	166	Vy	
28	000837	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	32		10	164	Biên	
29	000838	1201081639	Nguyễn Thu	An	07/03/2006	TM12A	32		14	154	An	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000839	1201080541	Lê Tuấn	Anh	09/04/2006	TM12A	32		20	168	Anh	
31	000840	1201080545	Trần Thị Vân	Anh	23/07/2006	TM12A	32		15	171	Anh	
32	000841	1201080546	Trương Hà	Anh	28/12/2006	TM12A	32		24	172	Anh.	
33	000842	1201081526	Vũ Quỳnh	Anh	08/09/2006	TM12A	32		20	163	Anh	
34	000843	1201081793	Nguyễn Công	Bách	11/09/2006	TM12A	32		21	170	Bách	

Tổng số sinh viên dự thi: 34

Tổng số tờ giấy thi: 34

Tổng số biên bản: 1

Cán bộ coi thi 1


Lê Thị Thanh

Ngày 20. tháng 6. năm 2025

Cán bộ coi thi 2


Đặng Thị Hiền



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000844	1201080550	Nguyễn Bá	Đức	10/09/2006	TM12A	32		24	180	<i>Đức</i>	
2	000845	1201080551	Nguyễn Minh	Đức	07/10/2006	TM12A	32		06	179	<i>Đức</i>	
3	000846	1201080552	Phạm Hoàng	Đức	02/02/2006	TM12A	32		23	178	<i>Đức</i>	
4	000847	1201081718	Trương Thanh	Đức	08/03/2006	TM12A	32		04	176	<i>Đức</i>	
5	000848	1201080554	Ngô Hoàng Anh	Dương	07/01/2006	TM12A	32		21	177	<i>Dương</i>	
6	000849	1201080555	Phạm Quang	Dương	24/12/2006	TM12A	32					HP,ĐK
7	000850	1201080557	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/2006	TM12A	32		19	175	<i>Duyên</i>	
8	000851	1201080558	Phạm Mỹ	Duyên	07/12/2006	TM12A	32		22	174	<i>Duyên</i>	
9	000852	1201080560	Nguyễn Thị Ngân	Giang	08/07/2006	TM12A	32		14	173	<i>Giang</i>	
10	000853	1201081788	Đỗ Thị Thu	Huệ	04/04/2006	TM12A	32		20	172	<i>Huệ</i>	
11	000854	1201080565	Lê Thế	Hung	21/08/2006	TM12A	32		22	171	<i>Hung</i>	
12	000855	1201080567	Lê Thị Mỹ	Linh	24/08/2006	TM12A	32		20	170	<i>Linh</i>	
13	000856	1201080568	Lương Thùy	Linh	26/10/2006	TM12A	32		18	169	<i>Linh</i>	
14	000857	1201081720	Ngô Mai	Linh	21/12/2006	TM12A	32		23	168	<i>Linh</i>	
15	000858	1201080569	Ngô Thị Phương	Linh	26/03/2006	TM12A	32		21	167	<i>Linh</i>	
16	000859	1201080573	Nguyễn Tuấn	Long	04/03/2006	TM12A	32		18	159	<i>Long</i>	
17	000860	1201081765	Đỗ Thị Thanh	Mai	18/04/2006	TM12A	32		22	166	<i>Mai</i>	
18	000861	1201080579	Trần Thanh	Mai	09/10/2006	TM12A	33		20	165	<i>Mai</i>	
19	000862	1201080580	Nguyễn Đức	Mạnh	12/12/2006	TM12A	33					ĐK
20	000863	1201080581	Vũ Duy	Mạnh	07/12/2005	TM12A	33		23	169	<i>Mạnh</i>	
21	000864	1201080582	Đỗ Thị Ngọc	Minh	16/05/2004	TM12A	33		14	163	<i>Minh</i>	
22	000865	1201080583	Nguyễn Trà	My	06/11/2006	TM12A	33		21	162	<i>My</i>	
23	000866	1201080585	Nguyễn Thu	Ngân	06/09/2006	TM12A	33		22	151	<i>Ngân</i>	
24	000867	1201080586	Lê Hồng	Ngọc	19/12/2006	TM12A	33		05	161	<i>Ngọc</i>	
25	000868	1201080589	Lê Yến	Nhi	06/11/2006	TM12A	33					HP,ĐK
26	000869	1201081664	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	03/02/2006	TM12A	33		18	158	<i>Như</i>	
27	000870	1201080594	Vũ Trang	Nhung	24/09/2006	TM12A	33		20	160	<i>Nhung</i>	
28	000871	1201080595	Bùi Thị Kim	Oanh	02/09/2006	TM12A	33		14	159	<i>Oanh</i>	
29	000872	1201080597	Võ Hồng	Phúc	24/09/2006	TM12A	33		19	157	<i>Phúc</i>	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000873	1201081812	Mai Thiên	Tài	04/08/2006	TM12A	33		20	156	Tài	
31	000874	1201080602	Lê Phương	Thảo	25/09/2006	TM12A	33		20	155	Thảo	
32	000875	1201081604	Ngô Thanh	Thảo	22/09/2006	TM12A	33		15	154	Thảo	
33	000876	1201080603	Nguyễn Thu	Thảo	24/11/2006	TM12A	33		22	153	Thảo	
34	000877	1201081799	Dương Đình	Thì	14/06/2004	TM12A	33					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....³⁰

Tổng số tờ giấy thi:.....³⁰

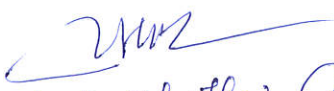
Tổng số biên bản:.....⁰

Ngày tháng năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Lê Thị Miao Hoi


Hoàng Chi Hương Giang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000878	1201080604	Hoàng Thị Mến	Thương	20/07/2006	TM12A	33		18	180	Thương	
2	000879	1201080608	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31/05/2006	TM12A	33		19	179	Thúy	
3	000880	1201081534	Lê Ánh	Thùy	27/02/2006	TM12A	33		23	178	Thùy	
4	000881	1201080609	Nguyễn Bích	Thùy	04/04/2005	TM12A	33		16	177	Thùy	
5	000882	1201080612	Lê Thị Thu	Trang	23/02/2006	TM12A	33		21	173	Trang	
6	000883	1201080615	Nguyễn Thị Phương	Uyên	15/12/2006	TM12A	33		23	174	Uyên	
7	000884	1201080620	Đào Thị	Yến	18/04/2006	TM12A	33		17	176	Yến	
8	000885	1201080621	Doãn Hải	Yến	11/07/2006	TM12A	33		20	172	Yến	
9	000886	1201061519	Bùi Xuân	An	10/01/2006	KA12A	34		24	175	An	
10	000887	1201060492	Phạm Thị Ngọc	Anh	10/06/2006	KA12A	34		23	171	Anh	
11	000888	1201061634	Tăng Hà Kiều	Anh	04/05/2006	KA12A	34		22	170	Anh	
12	000889	1201061522	Trịnh Thị Yến	Chi	11/02/2006	KA12A	34		22	169	Chi	
13	000890	1201060496	Nguyễn Anh	Dũng	19/08/2006	KA12A	34					ĐK
14	000891	1201061523	Nguyễn Tiến	Dũng	18/05/2006	KA12A	34					ĐK
15	000892	1201060497	Hoàng Thị	Duyên	05/08/2006	KA12A	34		22	168	Duyên	
16	000893	1201060499	Nguyễn Hương	Giang	28/12/2006	KA12A	34		20	166	Giang	
17	000894	1201061524	Vũ Thu	Hà	01/05/2006	KA12A	34					ĐK
18	000895	1201060504	Lê Thanh	Hoa	19/07/2006	KA12A	34		23	167	Hoa	
19	000896	1201060505	Nguyễn Đức	Hoàng	29/06/2006	KA12A	34		22	177	Hoàng	
20	000897	1201061525	Phan Huy	Hoàng	10/10/2006	KA12A	34		23	163	Hoàng	
21	000898	1201060507	Đoàn Quang	Huy	04/07/2006	KA12A	34		10	165	Huy	
22	000899	1201060511	Lê Thị Hoài	Linh	01/01/2006	KA12A	34		19	164	Linh	
23	000900	1201060513	Nguyễn Khánh	Ly	09/05/2006	KA12A	34		21	162	Ly	
24	000901	1201060515	Nguyễn Hồng	Minh	27/10/2006	KA12A	34					ĐK
25	000902	1201060516	Lưu Quỳnh	Nga	05/04/2006	KA12A	34		24	161	Nga	
26	000903	1201060517	Nguyễn Thị Phương	Nga	14/02/2006	KA12A	34		24	160	Nga	
27	000904	1201060518	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	01/09/2006	KA12A	34		21	159	Ngọc	
28	000905	1201060519	Lê Thái	Nguyên	25/10/2006	KA12A	34		23	157	Nguyên	
29	000906	1201060520	Ngô Long	Nhật	27/10/2003	KA12A	34		21	156	Nhật	

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
30	000907	1201060523	Đào Thị	Quỳnh	16/05/2006	KA12A	34		20	158	Đào	
31	000908	1201060524	Phạm Thanh	Tâm	17/07/2006	KA12A	34		22	155	Tâm	
32	000909	1201060525	Lê Thị Thu	Thảo	31/07/2006	KA12A	34		24	154	Thảo	
33	000910	1201060526	Nguyễn Thanh	Thảo	11/11/2006	KA12A	34		19	153	Thảo	

Tổng số sinh viên dự thi: 29

Tổng số tờ giấy thi: 29

Tổng số biên bản: 2

Cán bộ coi thi 1

Đào T. H. lam

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Đinh T. Luyện



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000911	1201060527	Bùi Ánh	Thư	25/07/2006	KA12A	34		20	180	Phúc	
2	000912	1201060529	Đoàn Phúc	Toàn	01/11/2005	KA12A	34		20	158	Toàn	
3	000913	1201060425	Đỗ Thị Quỳnh	Trâm	28/12/2006	KA12A	34					HP, ĐK
4	000914	1201060532	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/05/2006	KA12A	34		22	179	Trang	
5	000915	1201060533	Nguyễn Đức	Trung	12/02/2006	KA12A	34		22	169	Trung	
6	000916	1201060534	Vương Tuấn	Tú	04/09/2006	KA12A	34					ĐK
7	000917	1201060535	Vũ Duy	Vũ	23/06/2006	KA12A	34		20	151	Duy	
8	000918	1201060537	Vũ Thị Thảo	Vy	16/11/2005	KA12A	34					ĐK
9	000919	1201020063	Nguyễn Châu	Anh	06/03/2006	KC12A	35		13	178	Anh	
10	000920	1201020071	Nguyễn Quỳnh	Anh	17/11/2006	KC12A	35		7,0	177	Anh	
11	000921	1201020082	Phạm Trần Hải	Anh	11/11/2006	KC12A	35		22	168	Anh	
12	000922	1201020099	Vương Thị Ngọc	Ánh	03/12/2006	KC12A	35		12	176	Anh	
13	000923	1201020121	Đỗ Trung	Đoàn	20/11/2006	KC12A	35					ĐK
14	000924	1201020122	Bùi Minh	Đức	22/05/2006	KC12A	35		21	174	Đức	
15	000925	1201020124	Lục Hoàng Thùy	Dung	02/07/2006	KC12A	35		21	175	Dung	
16	000926	1201020129	Trần Trung	Dũng	12/11/2006	KC12A	35					ĐK
17	000927	1201020259	Trương Ngọc	Linh	25/12/2006	KC12A	35		20	193	Linh	
18	000928	1201020282	Bùi Thanh	Mai	27/07/2006	KC12A	35		21	172	Mai	
19	000929	1201020294	Lê Quang	Minh	25/09/2003	KC12A	35		20	171	Minh	
20	000930	1201021804	Mai Kim Thành	Minh	09/12/2006	KC12A	35		25	170	Minh	
21	000931	1201021000	Nguyễn Thị Minh Ngọc		26/10/2006	KC12A	35		22	166	Ngọc	
22	000932	1201020338	Tăng Hoàng Yến	Nhi	27/05/2006	KC12A	35		16	160	Nhi	
23	000933	1201020376	Nguyễn Mai	Tâm	02/01/2006	KC12A	35		22	161	Tâm	
24	000934	1201021511	Nguyễn Minh	Thu	14/08/2006	KC12A	35		23	159	Thu	
25	000935	1201020472	Nguyễn Huyền	Vi	17/09/2006	KC12A	35		21	167	Vi	
26	000936	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	35					vắng

Tổng số sinh viên dự thi: 20.....

Tổng số tờ giấy thi: 20.....

Tổng số biên bản: 0.....

Cán bộ coi thi 1

Trần Thị Hương

Ngày 20 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K12 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2024-2025

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1 (Vấn đáp)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000937	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	36					HP,ĐK
2	000938	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	36		17	174	Anh	
3	000939	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	36		9,0	175	Anh	
4	000940	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	CT12A	36		18	178	Bình	
5	000941	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	36		17	173	Định	
6	000942	1201041784	Nguyễn Minh	Đức	28/01/2006	CT12A	36					ĐK
7	000943	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	36					Vắng
8	000944	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	36		10	179	Hạnh	
9	000945	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	36		20	180	Huệ	
10	000946	1201040021	Đặng Duy	Hung	07/10/2006	CT12A	36		22	151	Hung	
11	000947	1201040022	Bùi Trịnh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	36		18	180	Huy	
12	000948	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	36		6,0	171	Huy	
13	000949	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	36		21	172	Huyền	
14	000950	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	36		5,0	170	Khánh	
15	000951	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	36		6,0	169	Linh	
16	000952	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	36		10	168	Linh	
17	000953	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	36		12	177	Linh	
18	000954	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	36		24	167	Long	
19	000955	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	36		10	166	Minh	
20	000956	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	36		8,0	165	Phong	
21	000957	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	36		15	164	Tài	
22	000958	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	36		15	163	Tiến	
23	000959	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	36		17	162	Thư	
24	000960	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	36		18	153	Trang	
25	000961	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	36		5,0	154	Tuấn	
26	000962	1201040045	Phạm Anh	Vũ	27/06/2006	CT12A	36					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Tổng số tờ giấy thi: 22

Tổng số biên bản: 0

Cán bộ coi thi 1

Lưu
Nguyễn Thị Văn

Ngày 15 tháng 6 năm 2025

Cán bộ coi thi 2

Huỳnh Thị Tam